

Số: 716/2023/TB-EVS

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST** (“Công ty”)
Mã chứng khoán/Mã thành viên: EVS/040
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, 6, 9 số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
Điện thoại liên hệ: 024. 3772 6699 Fax: 024. 3772 6763
E-mail: congbothongtin@eves.com.vn
- Nội dung thông tin công bố: Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 (Chi tiết theo file đính kèm).
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 03/11/2023 tại đường dẫn: <https://www.eves.com.vn/ve-chung-toi/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/11/2023;
- Nghị 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/11/2023;
- Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 số 02/2023/BB-ĐHĐCĐ ngày 02/11/2023;
- Khác.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Thu Hương

Số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020, Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022, trong đó sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest (Công ty);
- Căn cứ nội dung được thông qua tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường năm 2023 của Công ty ngày 02/11/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty chi tiết nêu tại Tờ trình số 11/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.

Điều 2. Thông qua việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ chi tiết nêu tại Tờ trình số 12/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.

Điều 3. Thông qua việc sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị chi tiết nêu tại Tờ trình số 13/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.

Điều 4. Đại Hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng Quản trị công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại Hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- TV.HĐQT;
- BTGD (T/hiện);
- UBCK, SGD (CBTT);
- Lưu VP. HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Hải Châu

Số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020, Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022, trong đó sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest (Công ty);
- Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest ngày 02/11/2023.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị chi tiết nêu tại Tờ trình số 14/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.

Danh sách thành viên trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest là:

STT	Ứng cử viên	Lượng phiếu bầu
1	Trần Đình Cường	140.682.292
2	Hoàng Đôn Hùng	140.654.842
3	Ngô Thanh Tùng	140.682.292
4	Nguyễn Xuân Hà	140.682.292
5	Phạm Hồng Minh	140.654.842
6	Lê Thảo Anh	124.682.292



Điều 2. Thông qua việc điều chỉnh Quỹ thù lao Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán năm 2023 chi tiết nêu tại Tờ trình số 15/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.

Điều 3. Thông qua việc điều chuyển số dư Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quy định chi tiết nêu tại Tờ trình số 16/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.

Điều 4. Đại Hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng Quản trị công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại Hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- TV.HĐQT;
- BTGD (T/hiện);
- UBCK, SGD (CBTT);
- Lưu VP. HĐQT;

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Hải Châu



Số 02/2023/BB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2023

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023**

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest.
- Mã số doanh nghiệp: 0102121331
- Trụ sở chính: Tầng 3,6,9 số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020, Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022, trong đó sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 vào hồi 09h00 ngày 02 tháng 11 năm 2023 tại Tầng 7, Tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

I. Thành phần tham dự

Các cổ đông, đại diện ủy quyền của các cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest trong danh sách cổ đông chốt ngày 02/10/2023. Danh sách chi tiết tham dự được ghi nhận tại Phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp.

II. Các thủ tục tại đại hội:

1. Giới thiệu Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

- Bà Nguyễn Phương Mai – Trưởng ban.
- Ông Nguyễn Mạnh Tiến – Thành viên.
- Bà Nguyễn Thúy Nga – Thành viên.

2. Thông qua Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

Bà Nguyễn Phương Mai – Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông đọc Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 (“Đại hội/ĐHĐCĐ”) tại thời điểm 09h45 phút ngày 02/11/2023 như sau:

- Tổng số cổ đông có quyền tham dự đại hội (theo danh sách cổ đông chốt ngày 02/10/2023): 2.784 cổ đông, sở hữu 164.800.618 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.



- Tại thời điểm khai mạc Đại hội: có 07 người tham dự đại diện cho 25 cổ đông, sở hữu và đại diện cho 140.673.142 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 85,36% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest đủ điều kiện tiến hành.

DHĐCĐ biểu quyết thông qua Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

- a) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết.
- b) Kết quả biểu quyết
 - Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 140.673.142 phiếu, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

III. Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban kiểm phiếu, chỉ định Ban Thư ký Đại hội

1. Đoàn Chủ tịch Đại hội:

- Ông Nguyễn Hải Châu – Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) kiêm thành viên Ủy ban kiểm toán – Chủ tọa Đại hội.
- Ông Vũ Mạnh Tiến - Thành viên HĐQT – Thành viên.
- Ông Phạm Hồng Minh – Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – Thành viên.

DHĐCĐ biểu quyết thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch như sau:

- a) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết.
- b) Kết quả biểu quyết
 - Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 140.673.142 phiếu, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Thành phần Đoàn Chủ tịch được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

2. Ban Thư ký Đại hội:

Chủ tọa Đại hội cử nhân sự Ban Thư ký gồm:

- Bà Hoàng Tông Khánh Linh – Trưởng ban.
- Bà Lê Thị Duyên - Thành viên.

3. Ban Kiểm phiếu:

- Bà Triệu Thị Trang – Trưởng ban.
- Bà Lương Thị Thuyên – Thành viên.
- Ông Trương Đức Việt - Thành viên.

DHĐCĐ biểu biểu quyết thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu như sau:

- a) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết.
- b) Kết quả biểu quyết
 - Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 140.673.142 phiếu, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Thành phần Ban kiểm phiếu được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

Đại hội được tiến hành, Ban Thư ký đọc và phổ biến Quy định làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023.

4. Thông qua chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023

Ông Phạm Hồng Minh – thành viên Đoàn Chủ tịch đọc chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023. Cụ thể như sau:

- Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty chi tiết nêu tại Tờ trình số 11/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.

- Thông qua việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ chi tiết nêu tại Tờ trình số 12/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.
- Thông qua việc sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị chi tiết nêu tại Tờ trình số 13/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.
- Cổ đông tiến hành biểu quyết việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.
- Kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu về việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Thông qua Nghị quyết Đại hội về việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.
- Thông qua số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị chi tiết nêu tại Tờ trình số 14/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị và tiến hành bầu thành viên Hội đồng Quản trị.
- Thông qua việc điều chỉnh Quỹ thù lao Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán năm 2023 chi tiết nêu tại Tờ trình số 15/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.
- Thông qua việc điều chuyển số dư Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quy định chi tiết nêu tại Tờ trình số 16/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.

DHĐCĐ tiến hành biểu quyết thông qua chương trình họp như sau:

- a) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết.
- b) Kết quả biểu quyết
 - Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 140.673.142 phiếu, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Chương trình họp được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

IV. Các nội dung trình bày tại Đại hội đồng cổ đông bất thường 2023

1. Ông Nguyễn Hải Châu – Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày trước Đại hội về các nội dung Tờ trình:
 - 1.1. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty chi tiết nêu tại Tờ trình số 11/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.
 - 1.2. Thông qua việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ chi tiết nêu tại Tờ trình số 12/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.
 - 1.3. Thông qua việc sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị chi tiết nêu tại Tờ trình số 13/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.
 - 1.4. Thông qua số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị chi tiết nêu tại Tờ trình số 14/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị nội dung cụ thể như sau:

HĐQT kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và bầu bổ sung 06 (sáu) thành viên HĐQT tại Đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 để kiện toàn nhân sự Hội đồng Quản trị (HĐQT) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest (Công ty) đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật. Danh sách ứng viên tính đến **12h00 ngày 30/10/2023** được tổng hợp như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Hình thức		Cổ đông/Nhóm cổ đông đề cử/ứng cử	
		Ứng cử	Đề cử	Tên cổ đông	Tỷ lệ CP sở hữu/Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty
1	Ông Trần Đình Cường		x	- Công ty Cổ phần Khách sạn Fusion Suites Sài Gòn	20.29%
2	Ông Nguyễn Xuân Hà		x	- Bà Nguyễn Linh Chi	
3	Ông Ngô Thanh Tùng		x	- Vũ Hải Anh - Nguyễn Trần Minh Quân	20.68%
4	Ông Hoàng Đôn Hùng		x	- Nguyễn Hải Châu - Phạm Ninh Hải - Nguyễn Thị Phương Thảo	
5	Ông Phạm Hồng Minh		x	- Quỹ Đầu tư khám phá Giá trị Việt - Quỹ Đầu tư Giá trị Việt Nam	10.83%

				- Trần Đình Lợi	
6	Bà Lê Thảo Anh		x	- Ông Vũ Mạnh Tiến - Ông Tạ Sơn Tùng	10.24%

1.5. Thực hiện bầu 06 ứng cử viên nêu trên vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest.

2. Ông Phạm Hồng Minh – Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư trình bày trước Đại hội các về các nội dung Tờ trình sau:

2.1. Thông qua việc điều chỉnh Quỹ thù lao Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán năm 2023 chi tiết nêu tại Tờ trình số 15/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.

2.2. Thông qua việc điều chuyển số dư Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quy định chi tiết nêu tại Tờ trình số 16/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.

V. **Phản thảo luận – Ý kiến đóng góp của các cổ đông**

Các cổ đông thảo luận và thống nhất tiến hành biểu quyết nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

VI. **Biểu quyết các nội dung được trình bày tại Đại hội**

Kết quả biểu quyết theo từng nội dung của Đại hội theo Biên bản kiểm phiếu/thẻ biểu quyết như sau:

1. **Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty chi tiết nêu tại Tờ trình số 11/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.**

a) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết.

b) Tổng số phiếu biểu quyết đối với vấn đề biểu quyết: 140.673.142 phiếu. Trong đó:

- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 140.673.142 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

c) Kết quả biểu quyết

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 140.673.142 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu

biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

2. Thông qua việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ chi tiết nêu tại Tờ trình số 12/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.

- a) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết.
- b) Tổng số phiếu biểu quyết đối với vấn đề biểu quyết: 140.673.142 phiếu. Trong đó:
 - Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 140.673.142 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- c) Kết quả biểu quyết
 - Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 140.673.142 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

3. Thông qua việc sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị chi tiết nêu tại Tờ trình số 13/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.

- a) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết.
- b) Tổng số phiếu biểu quyết đối với vấn đề biểu quyết: 140.673.142 phiếu. Trong đó:
 - Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ

đồng tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 140.673.142 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

c) Kết quả biểu quyết

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 140.673.142 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

4. Thông qua Nghị Quyết Đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 về việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị

- a) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết.

b) Kết quả biểu quyết

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 140.673.142 phiếu, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

5. Bầu thành viên Hội đồng quản trị

- 5.1. Thông qua số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị theo Tờ trình số 14/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị**

- a) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết.
- b) Kết quả biểu quyết
 - Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 140.673.142 phiếu, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

5.2. Bầu thành viên Hội đồng Quản trị

- Số tờ phiếu bầu cử phát ra: 09 phiếu, đại diện cho 140.673.142 cổ phần.
 - Số tờ phiếu bầu cử thu về: 09 phiếu, đại diện cho 140.673.142 cổ phần.
- Trong đó:
- + Số tờ phiếu bầu cử hợp lệ: 09 phiếu, đại diện cho 140.673.142 cổ phần.
 - + Số tờ phiếu bầu cử không hợp lệ: 0 phiếu.

Kết quả kiểm phiếu như sau:

STT	Ứng cử viên	Lượng phiếu bầu
1	Ông Trần Đình Cường	140.682.292
2	Ông Nguyễn Xuân Hà	140.682.292
3	Ông Ngô Thanh Tùng	140.682.292
4	Ông Hoàng Đôn Hùng	140.654.842
5	Ông Phạm Hồng Minh	140.654.842
6	Bà Lê Thảo Anh	124.682.292

Căn cứ theo Điều lệ Công ty và Quy định làm việc của Đại hội, các ông, bà có tên trong danh sách trên đã trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest.

- 6. **Thông qua việc điều chỉnh Quỹ thù lao Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán năm 2023 chi tiết nêu tại Tờ trình số 15/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.**

- a) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết.
- b) Tổng số phiếu biểu quyết đối với vấn đề biểu quyết: 140.673.142 phiếu. Trong đó:
 - Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 140.673.142 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- c) Kết quả biểu quyết
 - Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 140.673.142 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

7. Thông qua việc điều chuyển số dư Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quy định chi tiết nêu tại Tờ trình số 16/2023/TT-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị.

- a) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết.
- b) Tổng số phiếu biểu quyết đối với vấn đề biểu quyết: 140.673.142 phiếu. Trong đó:
 - Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 140.673.142 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- c) Kết quả biểu quyết
 - Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 135.393.142 phiếu, chiếm tỷ lệ 96,25% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 96,25% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 5.280.000 phiếu, chiếm tỷ lệ 3,75% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 3,75% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 96,25% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

VII. Thông qua Biên bản, Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023

1. Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2023

- a) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết.
- b) Kết quả biểu quyết
 - Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 140.673.142 phiếu, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành

2. Thông qua nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị; Điều chỉnh Quỹ thù lao Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán năm 2023; Điều chuyển số dư Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- a) Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết.
- b) Kết quả biểu quyết
 - Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 140.673.142 phiếu, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 phiếu, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, tương đương 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

VIII. Bế mạc Đại hội

Biên bản này do Thư ký phiên họp ghi lại đầy đủ và trung thực, đã được đọc và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi kết thúc phiên họp.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest kết thúc vào hồi 11h30 phút cùng ngày.

T/M BAN THƯ KÝ

Hoàng Tông Khánh Linh

**T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA**

Nguyễn Hải Châu

Số: *M.*/2023/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày *12* tháng *10* năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán Everest ("**Công ty**");
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Chứng khoán Everest kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc sửa đổi một số nội dung của Điều lệ Công ty và dự thảo Điều lệ sau khi sửa đổi:

- Điều chỉnh tăng số lượng thành viên HĐQT và sửa đổi về cơ cấu, tổ chức, hoạt động của HĐQT để phù hợp với tình hình tại doanh nghiệp;
- Sửa đổi về quyền của cổ đông tương ứng với các quy định tại mục 1;
- Sửa đổi quy định về phiếu biểu quyết theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung số 03/2022/QH15;
- Các nội dung khác có liên quan.

Chi tiết các nội dung bổ sung, sửa đổi tại Phụ lục 1 và dự thảo Điều lệ sau khi sửa đổi đính kèm.

Hội đồng Quản trị kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- VP. HĐQT

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Hải Châu

PHỤ LỤC 01
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI

(Kèm theo Tờ trình số 11 /2023/TT-HĐQT ngày 12 /10/2023 của Hội đồng Quản trị)

STT	Điều khoản	Điều lệ ban hành ngày 12/10/2021	Dự thảo điều lệ sửa đổi tháng 11/2023
1.	Phần đầu Điều lệ	Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Chứng khoán Everest thông qua theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/03/2021 và đã được sửa đổi ngày 12/10/2021.	Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Chứng khoán Everest thông qua theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/03/2021, đã được sửa đổi ngày 12/10/2021 và ngày 02/11/2023.
2.	Điểm m khoản 1 Điều 1	m) Cổ đông lớn là cổ đông là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;	m) Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
3.	Điểm a khoản 3 Điều 2	a) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, 19 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.	a) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3,6,9 số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
4.	Khoản 1 và 2 Điều 6	<p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.030.004.000.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn không trăm ba mươi tỷ không trăm lẻ bốn triệu đồng). Tỷ lệ sở hữu tối đa của các cổ đông nước ngoài là 100% vốn điều lệ Công ty.</p> <p>2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 103.000.400 (Bằng chữ: Một trăm lẻ ba triệu bốn trăm) cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (Bằng chữ: Mười nghìn đồng một cổ phần)."</p>	<p>1. Vốn điều lệ của Công ty là: 1.648.006.180.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn sáu trăm bốn mươi tám tỷ không trăm lẻ sáu triệu một trăm tám mươi nghìn đồng). Tỷ lệ sở hữu tối đa của các cổ đông nước ngoài là 100% vốn điều lệ Công ty.</p> <p>2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành: 164.800.618 (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm nghìn sáu trăm mười tám) cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (Bằng chữ: Mười nghìn đồng một cổ phần).</p>
5.	Điểm a, khoản 3, Điều 11	<p>a) Các cổ đông phổ thông có thể hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Cụ thể:</p> <p>(i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên</p>	<p>a) Các cổ đông phổ thông có thể hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Cụ thể:</p> <p>(i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên nếu số lượng thành viên</p>

		<p>nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 06 thành viên trở xuống hoặc tối đa hai (02) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 07 thành viên;</p> <p>ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 20% đến 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 06 thành viên trở xuống hoặc tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 07 thành viên;</p> <p>iii) Nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 07 thành viên;</p> <p>iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 40% đến 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 06 thành viên trở xuống hoặc tối đa năm (05) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 07 thành viên;</p> <p>v) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.</p>	<p>Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên;</p> <p>ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 20% đến 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa bốn (04) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên;</p> <p>iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 40% đến 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa sáu (06) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên;</p> <p>iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.</p>
6.	Điểm a khoản 2 Điều 19.	<p>a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo</p>	<p>a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp không có người được ủy quyền thì Phó Chủ tịch thực hiện các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch đều không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì</p>

		nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	lý bất kỳ lý do gì, các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
7.	Khoản 1, khoản 2, Điều 20	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Công ty:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.</p> <p>2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Công ty.</p>	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Công ty:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.</p> <p>2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Công ty.</p>
8.	Điểm g, khoản 1, Điều 22	g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý	g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng

		kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;	trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
9.	Khoản 1 Điều 25	1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty là từ 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên.	1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty là từ 05 (năm) đến 11 (mười một) thành viên.
10.	Khoản 3 Điều 25	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo số lượng tối thiểu của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và thành viên độc lập Hội đồng Quản trị và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty phải đảm bảo quy định sau: a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 06 đến 07 thành viên; c) Công ty phải đảm bảo tối thiểu (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành.	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty phải đảm bảo quy định sau: a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị là 05 thành viên; b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 09 đến 11 thành viên. d) Công ty phải đảm bảo tối thiểu (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành.
11.	Điểm h khoản 2 Điều 26	h) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	h) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán gần nhất của Công ty;
12.	Điểm j, khoản 2, Điều 26	j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của	j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu xét thấy cần thiết); bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và

		những người quản lý đó, quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở (các) công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	lợi ích khác của những người quản lý đó, quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở (các) công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
13.	Điểm u, khoản 2, Điều 26	u) Quyết định thành lập các tiêu ban, hội đồng nghiệp vụ chuyên môn, các bộ phận giúp việc trực thuộc Hội đồng Quản trị và ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức quyết định thù lao, thu nhập của các nhân sự làm việc tại các đơn vị này.	u) Quyết định thành lập Thường trực Hội đồng Quản trị, các tiêu ban, hội đồng nghiệp vụ chuyên môn, các bộ phận giúp việc trực thuộc Hội đồng Quản trị và ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức quyết định thù lao, thu nhập của các nhân sự làm việc tại các đơn vị này.
14.	Điểm v khoản 2 Điều 26	v) Quyết định các hợp đồng, giao dịch, thực hiện các công việc không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.	v) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị trên 20% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
15.	Điều 28 Khoản 1 Điều 28	Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.	Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị 1. Hội đồng Quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một (01) Chủ tịch Hội đồng Quản trị và một (01) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (nếu xét thấy cần thiết).
16.	Khoản 5 Điều 28	5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế	5. Các thành viên Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm hỗ trợ, giúp Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 28.3 trên đây. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp

		<p>hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.</p>	<p>hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định (“Sự kiện”) thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị đều không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý bất kỳ lý do gì, Hội đồng Quản trị có thể chỉ định một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh Sự kiện, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị để triệu tập cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới.</p>
17.	Khoản 6 Điều 29	<p>6. Thông báo và chương trình họp:</p> <p>Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp.</p>	<p>6. Thông báo và chương trình họp:</p> <p>Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày họp.</p>
18.	Điểm b, khoản 12 Điều 29	<p>b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a khoản này (trừ tiết ix, mục a khoản này) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng Quản trị cử một thành viên Hội đồng Quản trị ký ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị.</p>	<p>b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a khoản này (trừ tiết ix, mục a khoản này) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng Quản trị cử một thành viên Hội đồng Quản trị ký ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách</p>

			nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
19.	Khoản 1 Điều 63	1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 63 Điều được sửa đổi và có hiệu lực kể từ ngày 12/10/2021	1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 63 Điều được sửa đổi và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.
20.	Khoản 4 Điều 63	4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty thay thế cho Điều lệ đã được đã được sửa đổi, ban hành ngày 30/9/2021	4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty thay thế cho Điều lệ đã được đã được sửa đổi, ban hành ngày 12/10/2021.





ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Hà Nội, tháng 11 năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích từ ngữ	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
CHƯƠNG III.MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY... ..	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	10
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	10
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	12
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	12
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	13
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	13
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 11. Quyền của cổ đông	13
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	15
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 16. Thay đổi các quyền	20
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	25
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	29
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	29
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.....	29
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị	31
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....	33
Điều 27. Quyền và trách nhiệm, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.....	35
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	36
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị	37
Điều 30. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.	40
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị	41

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký Công ty.....	41
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC, BAN/BỘ PHẬN KIỂM SOÁT NỘI BỘ	42
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	42
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	42
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	43
Điều 36. Ban Tổng Giám đốc	44
Điều 37. Bộ phận Kiểm soát nội bộ.....	45
CHƯƠNG IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	46
Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban Kiểm toán	46
Điều 39. Thành phần Ủy ban Kiểm toán	46
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán	47
Điều 41. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán	48
Điều 42. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	48
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	49
Điều 43. Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.	49
Điều 45. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan	49
Điều 46. Hạn chế giao dịch giữa Công ty và các đối tượng khác	51
Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	51
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	51
Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	51
CHƯƠNG XII. LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	53
Điều 50. Lao động và Công đoàn	53
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	53
Điều 51. Phân phối lợi nhuận	53
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN. 54	54
Điều 52. Tài khoản ngân hàng.....	54
Điều 53. Năm tài chính.....	54
Điều 54. Chế độ kế toán	54
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	54
Điều 55. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	54
Điều 56. Báo cáo thường niên	55
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	55
Điều 57. Kiểm toán.....	55
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA CÔNG TY	55
Điều 58. Dấu của Công ty	55
CHƯƠNG XVIII.TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN	55
Điều 59. Tổ chức lại, Giải thể và Phá sản	55
Điều 60. Thanh lý	56
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	56
Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	56

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	57
Điều 62. Điều lệ Công ty	57
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	57
Điều 63. Ngày hiệu lực	57

Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Chứng khoán Everest thông qua theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/03/2021, đã được sửa đổi ngày 12/10/2021 và ngày 02/11/2023.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) “*Công ty*” là Công ty cổ phần Chứng khoán Everest;
 - b) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - c) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - e) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - f) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - g) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - h) *Người điều hành Công ty* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;
 - i) *Người quản lý Công ty* là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty;
 - j) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán trong các trường hợp sau:
 - (i) Công ty và người nội bộ của Công ty;
 - (ii) Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;
 - (iii) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - (iv) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - (v) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;

- (vi) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- (vii) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- (viii) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- n) *Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị* là (các) thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
- o) *Thời hạn hoạt động* của Công ty là thời gian hoạt động được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
- p) *Ủy ban Kiểm toán* là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- q) *Ban Tổng Giám đốc*: Là Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có Tổng Giám đốc, và (các) Phó Tổng Giám đốc;
- r) *Bộ phận Kiểm soát nội bộ*: là bộ phận trực thuộc Ban Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 12 Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.
- s) *Cổ tức* là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
- t) *Người nội bộ*: là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm:

Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm, thành viên Ủy ban Kiểm toán; thư ký công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
- u) *Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành*: là thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- v) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest
 - b) Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Everest Securities Joint Stock Company
 - c) Tên Công ty viết tắt: EVS.,JSC
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - a) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3,6,9 số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - b) Điện thoại: 0243 772.6699 Fax: 0423 772.6763
 - c) Website: www.eves.com.vn
 - d) Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 48/UBCK – GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2006.
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam. Khi người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây:

Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng Quản trị quyết định cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trong trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng Quản trị cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
6. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
7. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
- b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- d) Các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

8. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều lệ này.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề/Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty bao gồm:
 - a) Môi giới chứng khoán;
 - b) Tự doanh chứng khoán;
 - c) Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - d) Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - e) Các lĩnh vực/ngành nghề khác mà pháp luật cho phép.
2. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh. Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan.
3. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép. Đối với các hoạt động kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan.
4. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Mục tiêu hoạt động của Công ty là: tối đa hóa lợi nhuận, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp Ngân sách nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Khi thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh quy định tại Điều 4 Điều lệ này, Công ty được phép thực hiện các hoạt động, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật bao gồm nhưng không giới hạn các hoạt động sau:
 - a) Nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân; thực hiện phân phối hoặc làm đại lý phân phối chứng khoán; quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán; cung ứng dịch vụ quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán cho các doanh nghiệp khác;
 - b) Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng

khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh.

- c) Đầu tư, góp vốn, phát hành, chào bán các sản phẩm tài chính.
- d) Cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán, thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán; đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán; tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp; tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp; tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp.
- e) Ký hợp đồng cung cấp dịch vụ cho khách hàng để cung cấp cho khách hàng kết quả phân tích, báo cáo phân tích và đưa ra khuyến nghị liên quan đến việc mua, bán, nắm giữ chứng khoán.
- f) Thực hiện các hoạt động và cung cấp các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc quản trị điều hành Công ty:

- a) Công ty phải tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.
- b) Công ty phải phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- c) Công ty phải thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- d) Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan.
- e) Công ty phải bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ của Công ty:

Công ty khi thực hiện hoạt động nghiệp vụ phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- a) Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.
- b) Phải ban hành các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ;
- c) Phải ban hành quy tắc đạo đức hành nghề.

- d) Công ty, nhân viên Công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định tại Điều 19 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính.
- e) Có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng. Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công ty.
- f) Có trách nhiệm ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.
- g) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Công ty khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:
- Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng;
 - Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ;
 - Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác;
 - Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó;
 - Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng;
 - Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật.
- h) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- i) Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật.
- j) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.
- k) Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính.
- l) Công ty phải thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.
- m) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 1.648.006.180.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn sáu trăm bốn mươi tám tỷ không trăm lẻ sáu triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*). Tỷ lệ sở hữu tối đa của các cổ đông nước ngoài là 100% vốn điều lệ Công ty.

2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành: 164.800.618 (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm nghìn sáu trăm mười tám) cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (Bằng chữ: Mười nghìn đồng một cổ phần).
3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung như sau:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;
 - f) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

- g) Nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi (nếu có).
3. Trong thời hạn theo điều khoản phát hành của Công ty quy định, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
 4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
 5. Thủ tục cấp chứng nhận sở hữu cổ phiếu đối với cổ phiếu đã đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc cơ quan khác tương tự) được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

1. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.
4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.
6. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị.
3. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp có quy định khác về hạn chế chuyển nhượng quy định tại Điều lệ Công ty, Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp dưới đây:
 - (i) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý Công ty hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - (ii) Các trường hợp khác quy định của Điều lệ Công ty.
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông có thể họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Cụ thể:
 - (i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên;
 - (ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 20% đến 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành

- viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa bốn (04) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên;
- (iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 40% đến 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa sáu (06) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên;
- (iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị đề cử.
4. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông
- a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.
- b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 4 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng

liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái

ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.
 - c) Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - f) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền (nếu có).
4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này hoặc số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này. Trong trường hợp này, yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a) Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều này.
 - b) Trong trường hợp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu nêu tại điểm c Khoản 4 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí hợp lệ cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này

không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- c) Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này.

6. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Toàn bộ các vấn đề/quyết định/ngợi quyết thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật đều có thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Đại hội đồng cổ đông có quyền tiến hành tổ chức cuộc họp thường niên và bất thường để quyết định và thông qua mọi vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị;

- l) Quyết định tỷ lệ trích lập các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyết định việc Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 45 Điều lệ này;
- o) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Công ty.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
4. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.
5. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo các trường hợp quy định tại Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị (nếu có);
- f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;
- g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị (nếu có);
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

- b) Vào thời điểm Công ty nhận được kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ và/hoặc phiếu biểu quyết tùy thuộc vào các nội dung trong Chương trình họp. Trên thẻ biểu quyết sẽ ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Trên phiếu biểu quyết sẽ ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, vấn đề cần lấy ý kiến cổ đông. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng

cổ đông có quyền quyết định việc lựa chọn áp dụng phương thức biểu quyết thông qua thẻ biểu quyết hoặc phiếu biểu quyết đối với từng nội dung biểu quyết.

- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp không có người được ủy quyền thì Phó Chủ tịch thực hiện các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch đều không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do bất kỳ lý do gì, các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

Chủ tọa cuộc họp là người ký ban hành các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 22 của Điều lệ này.

- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu để kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp

dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng Thẻ biểu quyết (tán thành, không tán thành và không có ý kiến) và/hoặc bằng Phiếu biểu quyết tùy thuộc vào từng nội dung. Tại cuộc họp, đối với các nội dung được biểu quyết bằng thẻ biểu quyết thì số thẻ tán thành nghị quyết được đếm trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được đếm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Đối với các vấn đề lấy ý kiến thông qua Phiếu biểu quyết thì Phiếu biểu quyết sẽ được thu khi các nội dung đã được cổ đông cho ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:

- a) Hội đồng Quản trị quyết định tổ chức cuộc họp đại hội cổ đông theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Công ty tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp trong các trường hợp như chiến tranh, khủng bố, bạo động, tình trạng khẩn cấp quốc gia, rối loạn công cộng, đình công, bệnh dịch, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, thiên tai, giãn cách xã hội, hạn chế đi lại/các sự kiện có tính chất tương tự và/hoặc các trường hợp khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
- b) Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để họp Đại hội đồng cổ đông Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tham dự, phát biểu ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trình tự, thủ tục và các quy định khác về Hội họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và/hoặc các quy định nội bộ khác của Công ty.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Công ty:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính **đã được soát xét hoặc kiểm toán** gần nhất của Công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f) Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.
2. Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Công ty.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định

theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia kiểm phiếu, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng Quản trị cử một thành viên Hội đồng Quản trị ký ban hành nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Nếu tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản họp, Đại hội đồng cổ đông cử một người trong số các cổ đông dự họp thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký biên bản họp và nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong Biên bản

hợp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp Biên bản được lập thêm bằng tiếng nước ngoài thì Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;

- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.
 4. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
 - c) Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty khác với điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại tối đa 05 công ty khác và không thuộc trường hợp bị cấm theo quy định tại điểm d khoản này.
 - d) Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của công ty chứng khoán khác.
 - e) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
 5. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;

- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty là từ 05 (năm) đến 11 (mười một) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:
 Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo số lượng tối thiểu của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và thành viên độc lập Hội đồng Quản trị và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty phải đảm bảo quy định sau:
 - a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị là 05 thành viên;
 - b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 09 đến 11 thành viên..
 - d) Công ty phải đảm bảo tối thiểu (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:
 - a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - (i) Thành viên Hội đồng Quản trị không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 24 của Điều lệ này;

- (ii) Thành viên Hội đồng Quản trị có đơn từ chức và được chấp thuận;
- (iii) Khi thành viên Hội đồng Quản trị có một hoặc một số hành vi sau:
- Không thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm vì lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty, cổ đông.
 - Không trung thành với Công ty thông qua việc thực hiện một/nhiều hành vi (bao gồm nhưng không giới hạn) như: sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Công ty, cổ đông.
 - Có hành vi gây khó khăn, cản trở hoặc bất kỳ hành vi khác có tính chất tương tự làm ảnh hưởng đến sự hoạt động thông suốt và/tiến độ của công tác quản trị, điều hành của Công ty (bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi như cố tình không tham gia cuộc họp Hội đồng Quản trị dù được triệu tập hợp lệ/từ chối ký Biên bản họp mà không có lý do chính đáng/không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ công việc do Hội đồng Quản trị phân công, giao nhiệm vụ/gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ...) và/hoặc có hành vi/phát sinh các sự kiện gây mất, làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh thương hiệu của Công ty.
 - Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty;
 - Có hành vi cạnh tranh bất hợp pháp với Công ty hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Công ty.
- (iv) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
- b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
- (i) Thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (ii) Các trường hợp quy định tại mục iii điểm a khoản 4 Điều này và các trường hợp khác quy định của pháp luật.
- c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều này.
- d) Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
- (i) Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- (ii) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
- (iii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Trừ trường hợp quy định tại tiết i và tiết ii điểm d khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

- 5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 6. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

- 1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch kinh doanh hàng năm cho năm tiếp theo;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán gần nhất của Công ty;
 - i) Quyết định việc phát hành trái phiếu không chuyên đổi và/hoặc trái phiếu không kèm theo chứng quyền của Công ty.
 - j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu xét thấy cần thiết); bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó, quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng

thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở (các) công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác trong phạm vi thẩm quyền;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quyết định việc sử dụng các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển quỹ khen thưởng của Công ty;
- s) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- t) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư đối với các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty;
- u) Quyết định thành lập **Thường trực Hội đồng Quản trị**, các tiểu ban, hội đồng nghiệp vụ chuyên môn, các bộ phận giúp việc trực thuộc Hội đồng Quản trị và ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức quyết định thù lao, thu nhập của các nhân sự làm việc tại các đơn vị này.
- v) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị trên 20% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
- w) Giao/ủy quyền cho các tiểu ban, ủy ban, hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, cá nhân, bộ phận, đơn vị trực

thuộc Công ty để thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quyết định/quy định của Hội đồng Quản trị trong từng thời kỳ.

- x) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị bao gồm các nội dung sau:
- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp.
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các quyết định của Hội đồng Quản trị.
 - c) Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - d) Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng Quản trị.
 - e) Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị.
 - f) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có).
 - g) Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc.
 - h) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
 - i) Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 27. Quyền và trách nhiệm, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ như sau:
- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng Quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng Quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị

là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
 - f) Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.
 - g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
2. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
 3. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
 5. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
 6. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
 7. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một (01) Chủ tịch Hội đồng Quản trị và một (01) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (nếu xét thấy cần thiết).
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty và ủy quyền/phân công của Hội đồng Quản trị.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 5. Các thành viên Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm hỗ trợ, giúp Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 28.3 trên đây. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định (“Sự kiện”) thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị đều không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do bất kỳ lý do gì, Hội đồng Quản trị có thể chỉ định một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh Sự kiện, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị để triệu tập cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Trong trường hợp mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
 5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
 6. Thông báo và chương trình họp:

Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị/người triệu tập họp Hội đồng Quản trị xét thấy cần phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của trên 1/2 số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ người triệu tập họp Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp ngay sau khi gửi thông báo mời họp và tài liệu họp có thể được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp.

Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

7. Biểu quyết:
 - a) Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng Quản trị ủy quyền trực tiếp tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về vấn đề liên quan đến các họp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới

thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

8. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 9 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Hội đồng Quản trị.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Các nội dung đã được Hội đồng Quản trị thông qua được ban hành dưới hình thức nghị quyết/quyết định.
11. Hội đồng Quản trị quyết định tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Công ty tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị theo hình thức trực tiếp.

Thủ tục, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để họp Hội đồng Quản trị theo quy định tại Khoản này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

12. Biên bản họp Hội đồng Quản trị
 - a) Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Thời gian, địa điểm họp;
 - (iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (v) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.
- b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a khoản này (trừ tiết ix, mục a khoản này) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng Quản trị cử một thành viên Hội đồng Quản trị ký ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
- c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
- d) Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
- e) Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp Biên bản được lập thêm bằng tiếng nước ngoài thì Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 30. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Nghị quyết, quyết định được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
3. Hội đồng Quản trị quyết định ban hành các quy chế, văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các tiểu ban khác căn cứ nhu cầu của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và phải có tối thiểu là 03 người trong đó có ít nhất một thành viên là thành viên Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký Công ty

1. Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 4 Điều này.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC, BỘ PHẬN KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng Giám đốc được trả lương, thưởng và các khoản thu nhập khác (nếu có). Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.

3. Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Bổ nhiệm:

Hội đồng Quản trị sẽ bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, và các quyền lợi khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư của các cá nhân đơn vị trực thuộc Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư, thu lợi nhuận từ hoạt động đầu tư;

- j) Quản lý và sử dụng các quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi của Công ty và có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị về tình hình quản lý và sử dụng các quỹ trên trong mỗi năm tài chính;
 - k) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - l) Ban hành các quy định, quy trình nội bộ thuộc thẩm quyền và quy tắc đạo đức hành nghề áp dụng trong Công ty;
 - m) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - n) Lập kế hoạch kinh doanh và ngân sách năm tiếp theo để trình Hội đồng quản trị xem xét trước khi trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
 - o) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, Tổng Giám đốc phải chuẩn bị kế hoạch hoạt động chi tiết của Công ty cho năm tài chính tiếp theo;
 - p) Thực thi kế hoạch hoạt động hằng năm được cấp có thẩm quyền thông qua;
 - q) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - r) Thực hiện tất cả các hoạt động khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Điều lệ này và các quy định của Công ty.
 - s) Quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ này và quy định của pháp luật.
5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
6. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Ban Tổng Giám đốc

1. Thành phần Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc và (các) Phó Tổng Giám đốc. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.
2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc làm việc và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ, Quy chế/Quyết định do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với quy định pháp luật trong từng thời kỳ và các quy định nội bộ khác của Công ty.
3. Tiêu chuẩn của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
Thành viên Ban Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; Tổng Giám đốc Công ty không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.
- b) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phụ trách nghiệp vụ phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán.
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định tại Điều lệ, quy chế của Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 37. Bộ phận Kiểm soát nội bộ

1. Bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, do Tổng Giám đốc thành lập và/hoặc giải thể. Bộ phận kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ:
 - a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng Quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
 - b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
 - c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
 - e) Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h) Nhiệm vụ khác theo quy định của Công ty, pháp luật và nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
2. Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu:
 - a) Hoạt động của Công ty chứng khoán tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;
 - b) Bảo đảm quyền lợi khách hàng;

- c) Hoạt động của Công ty chứng khoán an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - d) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của Công ty.
3. Yêu cầu nhân sự của Bộ phận kiểm soát nội bộ
- a) Công ty phải bố trí tối thiểu 01 nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;
 - b) Trưởng Bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán, có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - d) Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

CHƯƠNG IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị theo quy định tại điểm b khoản Điều 137 Luật Doanh nghiệp.
2. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng Quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
3. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Điều 39. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên và số lượng thành viên cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;
2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;
5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng Quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
7. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.
9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.
10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
11. Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 41. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

Điều 42. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban Kiểm toán và từng thành viên Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng Quản trị quyết định;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán;
 - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con của Công ty, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
 - f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty;
 - g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 45. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:
 - a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và người có liên quan của họ;

- c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
 - d) Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.

Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
- a) Hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - b) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
 - c) Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng Quản trị về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch.

Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch đồng thời thông báo mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác cho Đại hội

đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
5. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 46. Hạn chế giao dịch giữa Công ty và các đối tượng khác

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.
2. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư). Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ;

- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
 4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
 5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 49. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:
 - a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện

CHƯƠNG XII. LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 50. Lao động và Công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 51. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 52. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 53. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 54. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 55. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 56. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 57. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 58. Dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu, việc quản lý con dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Công ty.

CHƯƠNG XVIII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN

Điều 59. Tổ chức lại, Giải thể và Phá sản

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc tổ chức lại Công ty (bao gồm hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Công ty hoặc các hình thức khác) theo cách thức phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 60. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

2. Trường hợp không thể thương lượng được hoặc hết thời hạn thương lượng theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật và/hoặc Điều lệ Công ty.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 62. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 63. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương, 63 Điều được sửa đổi và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.
2. Trong trường hợp có bất kỳ nội dung của Điều lệ này trái với quy định của pháp luật thì quy định của pháp luật mặc nhiên được áp dụng để điều chỉnh các nội dung đó.
3. Điều lệ được lập thành 02 bản gốc, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty thay thế cho Điều lệ đã được đã được sửa đổi, ban hành ngày 12/10/2021.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Số: 12/2023/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: **Sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán Everest (“**Công ty**”);
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Chứng khoán Everest kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc sửa đổi một số nội dung của Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và dự thảo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty sau khi sửa đổi:

1. Điều chỉnh tăng số lượng thành viên HĐQT và sửa đổi về cơ cấu, tổ chức, hoạt động của HĐQT để phù hợp với tình hình tại doanh nghiệp;
2. Sửa đổi về quyền của cổ đông tương ứng với các quy định tại mục 1;
3. Sửa đổi quy định về phiếu biểu quyết theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung số 03/2022/QH15;
4. Bổ sung các quy định về Thường trực Hội đồng Quản trị;
5. Các nội dung khác có liên quan.

Chi tiết các nội dung bổ sung, sửa đổi tại Phụ lục 1 và dự thảo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty sau khi sửa đổi đính kèm.

Hội đồng Quản trị kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- VP. HĐQT

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Hải Châu

PHỤ LỤC 01

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI

(Kèm theo Tờ trình số 12/2023/TTr-HĐQT ngày 12/10/2023 của Hội đồng Quản trị)

STT	Điều khoản	Quy chế đã ban hành	Dự thảo Quy chế sửa đổi tháng 11/2023
1.	Phần đầu Quy chế	Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Chứng khoán Everest thông qua theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/03/2021.	Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Chứng khoán Everest thông qua theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/03/2021 và đã được sửa đổi ngày 02/11/2023.
2.	Điểm j khoản 1 Điều 2	<i>j) Cổ đông lớn là cổ đông là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;</i>	<i>j) Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;</i>
3.	Tiêu mục vii, điểm a, khoản 12, Điều 6	(vii). Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;	(vii). Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
4.	Điểm a và điểm b, khoản 9, Điều 9	a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Công ty: - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong	a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Công ty: - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo

		<p>báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức lại, giải thể Công ty; - Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi. <p>b) Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều 20, khoản 2 Điều 16 của Điều lệ Công ty.</p>	<p>cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán gần nhất của Công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức lại, giải thể Công ty; - Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi. <p>b) Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều 20, khoản 2 Điều 16 của Điều lệ Công ty.</p>
5.	Khoản 4 Điều 11	<p>4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị:</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là từ 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên.</p> <p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p>	<p>4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị:</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là từ 05 (năm) đến 11 (mười một) thành viên.</p> <p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p>
6.	Điểm a khoản 5 Điều 11	<p>5. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị:</p> <p>a) Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo số lượng tối thiểu của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và thành viên độc lập Hội đồng Quản trị và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty phải đảm bảo quy định sau:</p> <p>(i). Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp</p>	<p>5. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị:</p> <p>a) Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty phải đảm bảo quy định sau:</p> <p>(i). Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên</p>

		<p>công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</p> <p>(ii). Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên;</p> <p>(iii). Công ty phải đảm bảo tối thiểu (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành</p>	<p>Hội đồng Quản trị là 05 thành viên;</p> <p>(ii). Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</p> <p>(iii). Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên;</p> <p>(iv). Công ty phải đảm bảo tối thiểu (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành.</p>
7.	Khoản 2 Điều 12	<p>2. Việc đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện như sau:</p> <p>a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 06 thành viên trở xuống hoặc tối đa hai (02) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 07 thành viên;</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 20% đến 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 06 thành viên trở xuống hoặc tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 07 thành viên;</p> <p>c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 40% đến 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội</p>	<p>2. Việc đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện như sau:</p> <p>a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên;</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 20% đến 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa bốn (04) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên;</p> <p>c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 40% đến 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa sáu (06) ứng</p>

		<p>đồng Quản trị có từ 06 thành viên trở xuống hoặc tối đa năm (05) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 07 thành viên;</p> <p>d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị đề cử. Việc Hội đồng Quản trị giới thiệu/đề cử bổ sung ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	<p>viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên;</p> <p>d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị đề cử. Việc Hội đồng Quản trị giới thiệu/đề cử bổ sung ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.</p>
8.	Điều 17	<p>Điều 17. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị. 2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc. 3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên 	<p>Điều 17. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng Quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một (01) Chủ tịch Hội đồng Quản trị và một (01) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (nếu xét thấy cần thiết). 2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc. 3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. 4. Các thành viên Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm hỗ trợ, giúp

		<p>khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.</p>	<p>Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 28.3 Điều lệ. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định (“Sự kiện”) thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị đều không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do bất kỳ lý do gì, Hội đồng Quản trị có thể chỉ định một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh Sự kiện, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị để triệu tập cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới.</p>
9.	Khoản 1 Điều 21	<p>1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Trong trường hợp Chủ</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Trong trường hợp Chủ tịch Hội</p>

		<p>tịch Hội đồng Quản trị/người triệu tập họp Hội đồng Quản trị xét thấy cần phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của trên 1/2 số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị/người triệu tập họp Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp ngay sau khi gửi thông báo mời họp và tài liệu họp có thể được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp</p>	<p>đồng Quản trị/người triệu tập họp Hội đồng Quản trị xét thấy cần phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của trên 1/2 số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị/người triệu tập họp Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp ngay sau khi gửi thông báo mời họp và tài liệu họp có thể được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp</p>
10.	Khoản 2 Điều 24	<p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a khoản này (trừ điểm i khoản 1 Điều này) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng Quản trị cử một thành viên Hội đồng Quản trị ký ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị.</p>	<p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này (trừ điểm i khoản 1 Điều này) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng Quản trị cử một thành viên Hội đồng Quản trị ký ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.</p>
11.	Khoản 1 Điều 53	<p>1. Quy chế này gồm 53 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 03 năm 2021.</p>	<p>1. Quy chế này gồm 53 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2023.</p>





QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST
Mã số:

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	3
QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	3
Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành.....	5
CHƯƠNG II.....	5
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	5
Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 5. Công tác chuẩn bị đại hội.....	5
Điều 6. Quy trình, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến:.....	12
Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến và các hình thức khác:.....	13
Điều 9. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:.....	13
Điều 10. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	16
CHƯƠNG III.....	16
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM.....	16
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16
Điều 11. Vai trò của Hội đồng Quản trị, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị.....	16
Điều 12. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị.....	18
Điều 13. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị.....	19
Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.....	19
Điều 15. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.....	20
Điều 16. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị.....	20
Điều 17. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị:.....	Error! Bookmark not defined.
Điều 18. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.....	22
CHƯƠNG IV.....	23
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 19. Số lượng cuộc họp Hội đồng Quản trị tối thiểu.....	23
Điều 20. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường.....	23
Điều 21. Thông báo họp Hội đồng Quản trị.....	23
Điều 22. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng Quản trị.....	23
Điều 23. Cách thức biểu quyết.....	24
Điều 24. Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	24
Điều 25. Họp Hội đồng Quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp hoặc hình thức khác.....	25
Điều 26. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	25
Điều 27. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng Quản trị;.....	25
Điều 28. Thông báo nghị quyết Hội đồng Quản trị.....	26
CHƯƠNG V.....	26
ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	26
Điều 29. Ủy ban Kiểm toán.....	26
Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán.....	26
Điều 31. Tiêu chuẩn thành viên Ủy ban Kiểm toán.....	27
Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban Kiểm toán.....	27

Điều 33. Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán:	27
CHƯƠNG VI	28
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC	28
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC.....	28
Điều 34. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị	28
Điều 35. Các đơn vị khác trực thuộc Hội đồng Quản trị	29
Điều 36. Người phụ trách quản trị Công ty	29
Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	30
Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	30
Điều 39. Thư ký Công ty	31
CHƯƠNG VII.....	31
TỔNG GIÁM ĐỐC.....	31
Điều 40. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	31
Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.....	31
CHƯƠNG VIII.....	33
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33
VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY	33
Điều 42. Nguyên tắc làm việc và phối hợp hoạt động	33
Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc	33
Điều 44. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.....	34
Điều 45. Các trường hợp Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị	34
Điều 46. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.	35
Điều 47. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc	35
Điều 48. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng Quản trị.....	35
CHƯƠNG IX	36
ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG	36
VÀ KỶ LUẬT.....	36
Điều 49. Đánh giá hoạt động	36
Điều 50. Khen thưởng – Kỷ luật.....	37
CHƯƠNG X.....	37
CÔNG BỐ THÔNG TIN	37
Điều 51. Nghĩa vụ công bố thông tin	37
CHƯƠNG XI	37
SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	37
Điều 52. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị Công ty	37
CHƯƠNG XII.....	38
HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	38
Điều 53. Hiệu lực của Quy chế	38

Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Chứng khoán Everest thông qua theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/03/2021 và đã được sửa đổi ngày 02/11/2023.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc; quy trình, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Công ty;
- b) Cổ đông Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
- c) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp của Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
- d) Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “*Công ty*” là Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest;
- b) “*Điều lệ*” là Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;
- c) “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) “*Luật Chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) “*Việt Nam*” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) “*Người điều hành Công ty*” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;
- g) “*Người quản lý Công ty*” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty;
- h) “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán trong các trường hợp sau:
 - Công ty và người nội bộ của Công ty;
 - Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty đó;

- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- i) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- j) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- k) *Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành* là thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;
- l) *Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị* là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:
- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của công ty;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
- m) “*Người phụ trách quản trị Công ty*” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.
- n) “*Ủy ban Kiểm toán*” là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.
- o) *Sở Giao dịch chứng khoán* là Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.

- p) UBCKNN là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
- Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị Công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 14 Điều lệ Công ty.
3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 5. Công tác chuẩn bị đại hội

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này sẽ thành lập Ban Tổ chức đại hội. Trưởng ban Ban Tổ chức đại hội có trách nhiệm phân công các thành viên thực hiện các công việc hỗ trợ cho việc tổ chức đại hội.

Điều 6. Quy trình, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- a) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- b) Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

- c) Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 13 Điều lệ Công ty và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp.

- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có trách nhiệm thực hiện lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- b) Trường hợp cổ phiếu đã được đăng ký lưu ký chứng khoán tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc cơ quan khác tương tự) thì danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên website của Công ty với nội dung thời gian chốt danh sách, địa điểm, thời gian dự kiến tổ chức họp.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

- a) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.
- b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

5. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp

- a) Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - (i). Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - (ii). Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị (nếu có);
 - (iii). Phiếu biểu quyết;
 - (iv). Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - (i). Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm b khoản này;
 - (ii). Vào thời điểm Công ty nhận được kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty;
 - (iii). Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - (iv). Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị theo quy định tại mục c khoản 5 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm b khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau:
 - (i). Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii). Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (iii). Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (iv). Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - (v). Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Công ty.
- b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và chữ ký của đại diện hợp pháp của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - (i). Đối với cổ đông cá nhân:

Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó (hoặc người đại diện hợp pháp của cổ đông) và người được ủy quyền dự họp;

(ii). Đối với cổ đông tổ chức:

- Trong các trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- c) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người được ủy quyền tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- d) Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty nhận được nhiều văn bản ủy quyền của cùng một cổ đông thì văn bản ban hành sau mặc nhiên có giá trị ưu tiên áp dụng.
- e) Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối các ủy quyền không tuân thủ quy định của Công ty và pháp luật và/hoặc có các nội dung mâu thuẫn, không rõ ràng dẫn đến không xác định được đối tượng/thời hạn/phạm vi/nội dung ủy quyền của cổ đông. Trong trường hợp này Ban tổ chức sẽ thông báo cho người được ủy quyền dự họp về việc từ chối ủy quyền và người được ủy quyền dự họp có trách nhiệm thông báo lại cho cổ đông/bên ủy quyền.

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ vấn đề, vướng mắc, tranh chấp phát sinh giữa cổ đông và người đại diện của cổ đông liên quan đến việc ủy quyền dự họp.

- f) Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- (i). Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - (ii). Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - (iii). Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

7. Cách thức đăng ký tham gia họp và đăng ký cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- a) Thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông: Trưởng ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông để thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông trước và trong suốt quá trình diễn ra cuộc họp.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông có tối thiểu 02 người trong đó có 01 trưởng ban và (các) thành viên ban kiểm tra tư cách cổ đông để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- (i). Chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - (ii). Thực hiện kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông/người đại diện của cổ đông đến tham dự họp trong toàn bộ thời gian diễn ra cuộc họp.
 - (iii). Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp.
- b) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
 - c) Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự; Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 6 Điều này;
 - d) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện họp pháp của cổ đông có quyền biểu quyết một thẻ và/hoặc phiếu biểu quyết tùy thuộc vào các nội dung trong Chương trình họp. Trên thẻ biểu quyết sẽ ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Trên phiếu biểu quyết sẽ ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền, vấn đề cần lấy ý kiến cổ đông.
 - e) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

9. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Khi đăng ký cổ đông dự họp, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều này.
- b) Hình thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bao gồm:
 - Biểu quyết theo hình thức công khai (sử dụng thẻ biểu quyết);
 - Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu kín (sử dụng phiếu biểu quyết).

Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định việc lựa chọn áp dụng hình thức biểu quyết công khai bằng thẻ biểu quyết hoặc hình thức bỏ phiếu kín bằng phiếu biểu quyết đối với từng nội dung biểu quyết.

- c) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Đối với trường hợp biểu quyết thông qua thẻ biểu quyết, cổ đông/đại diện hợp pháp của cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết khi được Chủ tọa hỏi: *Lần thứ nhất: Biểu quyết tán thành; Lần thứ hai: Biểu quyết không tán thành; Lần thứ ba: Biểu quyết không có ý kiến*) về từng nội dung cụ thể. Đối với trường hợp biểu quyết thông qua phiếu biểu quyết, các phiếu biểu quyết sẽ được Ban kiểm phiếu thu lại và kiểm đếm sau khi toàn bộ các nội dung cần biểu quyết đã được lấy ý kiến.

10. Kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu để kiểm phiếu và/hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- b) Ban kiểm phiếu có trách nhiệm công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
- c) Đối với trường hợp biểu quyết công khai: Ban kiểm phiếu sẽ đếm số thẻ biểu quyết tán thành trước, số thẻ biểu quyết không tán thành được đếm sau, số thẻ biểu quyết không có ý kiến được đếm cuối cùng, sau đó tổng hợp trực tiếp và báo cáo tại đại hội. Cổ đông hoặc đại diện của cổ đông chỉ được biểu quyết cho một trong ba quyết định tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến cho mỗi nội dung được biểu quyết. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập báo cáo/xác nhận kết quả biểu quyết thông qua hình thức biểu quyết công khai trong đó nêu rõ tổng số thẻ biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết.
- d) Đối với trường hợp bỏ phiếu kín: Các cổ đông sau khi lựa chọn các phương án biểu quyết tại mỗi nội dung của cuộc họp trên phiếu biểu quyết, các cổ đông sẽ bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu. Hòm phiếu đã được khóa và niêm phong theo đúng quy định của pháp luật và do ban kiểm phiếu quản lý;

Sau khi các nội dung họp đã được xin ý kiến, an kiểm phiếu tiến hành mở hòm phiếu niêm phong dưới sự chứng kiến của các thành viên ban kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bầu (nếu có).

Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra phiếu biểu quyết theo thứ tự các phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến và tổng hợp kết quả để lập Biên bản kiểm phiếu;

- e) Biên bản kiểm phiếu là văn bản tổng hợp kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu đối với ý kiến của cổ đông với các nội dung của cuộc họp, trong đó phải bao gồm các nội dung sau:
- (i). Tên, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii). Các nội dung biểu quyết;
 - (iii). Số cổ đông tham dự đại hội đã biểu quyết trong đó nêu rõ số cổ phiếu biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ;

- (iv). Tổng số phiếu và tỷ lệ phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng nội dung xin ý kiến của Đại hội.
- (v). Các nội dung đã được thông qua, không được thông qua tại Đại hội;
- (vi). Họ tên chữ ký của các thành viên ban kiểm phiếu hoặc đại diện trưởng ban kiểm phiếu nhưng phải đảm bảo các thành viên ban kiểm phiếu phải ký nháy vào từng trang của Biên bản.

Trường hợp trưởng ban kiểm phiếu từ chối ký Biên bản kiểm phiếu thì một trong các thành viên còn lại của ban kiểm phiếu có trách nhiệm ký biên bản kiểm phiếu. Trường hợp toàn bộ các thành viên của ban kiểm phiếu không đồng ý/từ chối ký biên bản kiểm phiếu thì Đại hội đồng cổ đông bầu một trong số các cổ đông dự họp ký biên bản kiểm phiếu và biên bản kiểm phiếu này có hiệu lực ngay từ thời điểm ký.

11. Công bố kết quả kiểm phiếu

- a) Ban kiểm phiếu được bầu theo khoản 10 Điều này có trách nhiệm công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
- b) Đối với các nội dung biểu quyết Đại hội đồng cổ đông quyết định biểu quyết theo hình thức công khai, chủ tọa hoặc đại diện Ban kiểm phiếu công bố công khai ngay sau khi tiến hành biểu quyết về nội dung đó;
- c) Đối với các nội dung Đại hội đồng cổ đông quyết định biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu kín, Biên bản kiểm phiếu phải được đại diện Ban kiểm phiếu công bố trước thời điểm bế mạc đại hội.

12. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i). Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii). Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - (iii). Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - (iv). Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - (v). Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - (vi). Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - (vii). Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- (viii). Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- (ix). Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng Quản trị cử một thành viên Hội đồng Quản trị ký ban hành nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Nếu tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản họp, Đại hội đồng cổ đông cử một người trong số các cổ đông dự họp thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký biên bản họp và nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.
- b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- c) Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp Biên bản được lập thêm bằng tiếng nước ngoài thì Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

13. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- a) Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- b) Chủ tọa cuộc họp là người ký ban hành các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông trừ trường hợp quy định tại tiết (ix) mục a khoản 12 Điều 6 của Quy chế này.

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến:

Quy định về trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và có các nội dung sau:

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
4. Điều kiện tiến hành;
5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến và các hình thức khác:

Quy định về trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến và các hình thức khác do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và có các nội dung sau:

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
4. Điều kiện tiến hành;
5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
6. Cách thức bỏ phiếu;
7. Cách thức kiểm phiếu;
8. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
11. Các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác.

Điều 9. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số

giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- d) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - e) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - f) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - g) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia kiểm phiếu, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua
 - a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành**, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20, khoản 2 Điều 16 và khoản 8 Điều 21 của Điều lệ Công ty:
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán gần nhất của Công ty;
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.
 - b) Các nghị quyết đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều 20, khoản 2 Điều 16 của Điều lệ Công ty.
 - c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho

thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

- d) Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- e) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Vai trò của Hội đồng Quản trị, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị:
 - a) Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được cung cấp thông tin như sau:
 - (i). Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

- (ii). Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin theo được thực hiện theo quyết định/quy định của Hội đồng Quản trị trong từng thời kỳ.
3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị:
Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là từ 05 (năm) đến 11 (mười một) thành viên.
Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
5. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị:
- a) Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo số lượng tối thiểu của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và thành viên độc lập Hội đồng Quản trị và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty phải đảm bảo quy định sau:
- (i). Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị là 05 thành viên;
- (ii). Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- (iii). Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên;.
- (iv). Công ty phải đảm bảo tối thiểu (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành.
- b) Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- (i). Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- (ii). Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- (iii). Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty khác với điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại tối đa 05 công ty khác và không thuộc trường hợp bị cấm theo quy định tại tiết (iv) điểm b khoản 5 Điều này.
- (iv). Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của công ty chứng khoán khác.
- (v). Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

- c) Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- (i). Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - (ii). Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
 - (iii). Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
 - (iv). Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - (v). Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng Quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.
- e) Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.
- f) Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 12. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị.
 Các cổ đông phổ thông có thể hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Việc tập hợp thành nhóm cổ đông để thực hiện đề cử ứng cử phải được thông báo cho Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông trước khi thực hiện đề cử.
2. Việc đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện như sau:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 20% đến 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa bốn (04) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 40% đến 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa sáu (06) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên;

- d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị đề cử. Việc Hội đồng Quản trị giới thiệu/đề cử bổ sung ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

- a) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
- b) Phiếu bầu cử do Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông chuẩn bị, có ghi danh sách ứng cử viên, tổng số phiếu bầu của cổ đông, có đóng dấu treo Công ty.

Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:
- a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
- (i) Thành viên Hội đồng Quản trị không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điểm b và c, khoản 5 Điều 11 của Quy chế này;
 - (ii) Thành viên Hội đồng Quản trị có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (iii) Khi thành viên Hội đồng Quản trị có một hoặc một số hành vi sau:
 - Không thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm vì lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty, cổ đông.
 - Không trung thành với Công ty thông qua việc thực hiện một/nhiều hành vi (bao gồm nhưng không giới hạn) như: sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Công ty, cổ đông.
 - Có hành vi gây khó khăn, cản trở hoặc bất kỳ hành vi khác có tính chất tương tự làm ảnh hưởng đến sự hoạt động thông suốt và/tiến độ của công tác quản

trị, điều hành của Công ty (bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi như cố tình không tham gia cuộc họp Hội đồng Quản trị dù được triệu tập họp lệ/từ chối ký Biên bản họp mà không có lý do chính đáng/không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ công việc do Hội đồng Quản trị phân công, giao nhiệm vụ/gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ...) và/hoặc có hành vi/phát sinh các sự kiện gây mất, làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh thương hiệu của Công ty.

- Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty;
- Có hành vi cạnh tranh bất hợp pháp với Công ty hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Công ty.

(iv) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

- b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
- (i) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (ii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
- c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.
- d) Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
- (i) Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - (ii) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
 - (iii) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trừ trường hợp quy định tại tiết i và tiết ii điểm d Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 15. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc nhận được đơn từ nhiệm, bầu, miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy định của pháp luật về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 16. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

2. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của Công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty
3. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định sau:
 - Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử.
 - Ứng viên do Hội đồng Quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng Quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua.
 - Ứng viên do Hội đồng Quản trị giới thiệu phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng Quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một (01) Chủ tịch Hội đồng Quản trị và một (01) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (nếu xét thấy cần thiết).
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Các thành viên Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm hỗ trợ, giúp Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 28.3 Điều lệ. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có

người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định (“Sự kiện”) thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị đều không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do bất kỳ lý do gì, Hội đồng Quản trị có thể chỉ định một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh Sự kiện, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị để triệu tập cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới.

Điều 18. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.

- a) Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- b) Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- c) Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- d) Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
- e) Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.
- f) Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Số lượng cuộc họp Hội đồng Quản trị tối thiểu:

Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường trong các trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 20. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường

Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

1. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
2. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
3. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng Quản trị;
4. Trong trường hợp mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết.

Điều 21. Thông báo họp Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị/người triệu tập họp Hội đồng Quản trị xét thấy cần phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của trên 1/2 số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ người triệu tập họp Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp ngay sau khi gửi thông báo mời họp và tài liệu họp có thể được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp
2. Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Hội đồng Quản trị quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu bổ sung nội dung chương trình họp bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tới Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp có nhiệm vụ phải đưa các nội dung yêu cầu bổ sung vào chương trình họp nếu nội dung đó được toàn bộ các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị. Việc từ chối đưa các nội dung yêu cầu bổ sung vào cuộc họp phải được nêu công khai tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Điều 22. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng Quản trị

Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

Điều 23. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 3 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
4. Trừ quy định tại khoản 5 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền tham dự cuộc họp có một (01) phiếu biểu quyết;
5. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Điều 24. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này (trừ điểm i khoản 1 Điều này) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng Quản trị cử một thành viên Hội đồng Quản trị ký ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp Biên bản được lập thêm bằng tiếng nước ngoài thì Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 25. Họp Hội đồng Quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp hoặc hình thức khác

1. Hội đồng Quản trị quyết định tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp hoặc hình thức khác phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Công ty tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị theo hình thức trực tiếp.
2. Thể thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để họp Hội đồng Quản trị theo quy định tại Khoản 1 Điều này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 26. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị/người triệu tập cuộc họp có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Thể thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều này do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với quy định của Công ty và pháp luật.

Điều 27. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng Quản trị;

1. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của Công ty.

2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu số phiếu tán thành và phản đối bằng nhau nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
3. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng Quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Nghị quyết/Quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên biểu quyết tán thành thông qua Nghị quyết/Quyết định phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết/Quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên biểu quyết không tán thành thông qua Nghị quyết/Quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị đình chỉ thực hiện Nghị quyết nói trên theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Thông báo nghị quyết Hội đồng Quản trị

Công ty thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng Quản trị theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị
2. Nhiệm kỳ của Ủy ban Kiểm toán, thành viên Ủy ban Kiểm toán sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;
2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;
5. Kiến nghị Công ty kiểm toán độc lập, chi phí và điều khoản liên quan trong hợp đồng với Công ty kiểm toán để Hội đồng Quản trị thông qua trước khi trình lên để Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của Công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.
9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.
10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
11. Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 31. Tiêu chuẩn thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
2. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng Quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Điều 33. Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán:

1. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu

quyết. Quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban Kiểm toán và từng thành viên Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán;
 - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
 - f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
 - g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG VI

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 34. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc;
2. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các tiểu ban khác căn cứ nhu cầu của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và phải có tối thiểu là 03 người trong đó có ít nhất một thành viên là thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị, nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban,

thuộc Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

5. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị.
6. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
7. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 35. Các đơn vị khác trực thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị được quyền thành lập các hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, các cơ quan, đơn vị giúp việc trực thuộc khác ngoài các tiểu ban quy định tại Điều 34 của Quy chế này và được phép ủy quyền cho các hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, các cơ quan, đơn vị giúp việc trực thuộc đó thực hiện một phần các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
2. Hội đồng Quản trị được quyền quyết định toàn bộ các vấn đề liên quan đến các hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, các cơ quan, đơn vị giúp việc trực thuộc nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm nhưng không giới hạn ở việc thành lập, quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm, quyết định thu nhập đối với nhân sự làm việc tại các bộ phận này.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền quyết định thành lập bộ phận Văn phòng Hội đồng Quản trị trực thuộc Hội đồng Quản trị để giúp việc Hội đồng Quản trị; quyết định chức năng nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng Quản trị, quyết định việc bổ nhiệm miễn nhiệm, điều động, phân công công việc, chính sách thù lao, thu nhập đối với các nhân sự làm việc tại Văn phòng Hội đồng Quản trị.

Điều 36. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.
2. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty:
 - a) Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiêm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
 - b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;

- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty

Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty khi đa số (trên 1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Người phụ trách quản trị Công ty mới thay thế.
2. Người phụ trách quản trị Công ty có thể được Hội đồng Quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (i). Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
 - (ii). Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - (iii). Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có thể bị Hội đồng Quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (i). Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
 - (ii). Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
 - (iii). Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.
4. Việc miễn nhiệm/ bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng đã ký kết (nếu có).

Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được thông báo và công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 39. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
5. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 40. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng Quản trị (trừ Chủ tịch Hội đồng Quản trị) hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác;
 - c) Không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của Công ty chứng khoán khác;
 - d) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
 - e) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ;
 - f) Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;

- g) Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
 - h) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật;
 - i) Có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty: Tốt nghiệp đại học trở lên, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;
4. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc
- Các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền đề cử các ứng viên đủ điều kiện và phù hợp giữ chức vụ Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật.
5. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc;
- Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc theo phương thức biểu quyết tại cuộc họp theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
- Việc ký kết Hợp đồng lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động, đảm bảo điều kiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện. Hợp đồng trong đó quy định tiền lương và lợi ích khác.
6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.
- a) Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - (i). Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật;
 - (ii). Có đơn xin nghỉ việc;
 - (iii). Theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
 - b) Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng Quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (i). Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
 - (ii). Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
 - (iii). Các trường hợp khác theo quy định của Công ty và pháp luật

Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.
7. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:
- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc được Công ty công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
8. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.
- a) Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.
 - b) Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VIII
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 42. Nguyên tắc làm việc và phối hợp hoạt động

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, vì sự phát triển Công ty.
2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.
3. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện làm việc theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật nhằm điều hành hoạt động kinh doanh.

Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của các thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, Hội đồng Quản trị tạo điều kiện để Tổng Giám đốc thực hiện tốt chức năng của mình.
2. Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc, các thành viên Hội đồng Quản trị có thể trao đổi trực tiếp, qua điện thoại hay email với thành viên Ban Tổng Giám đốc để giải quyết kịp thời.
3. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị, nếu Tổng Giám đốc phát hiện thấy có vấn đề bất lợi cho Công ty thì phải báo kịp thời cho Hội đồng Quản trị biết để giải quyết.
4. Hội đồng Quản trị khi cần thiết sẽ sử dụng nhân sự và trang thiết bị Công ty để phục vụ công tác của Hội đồng Quản trị. Đối với công tác tổ chức các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất ba mươi (30) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tọa cuộc họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời một hoặc một số thành viên Ban Tổng Giám đốc và/hoặc người quản lý khác phụ trách các mảng công việc có liên quan dự họp và tham gia đóng góp ý kiến (nếu có).
6. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị.
7. Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi

điều kiện thuận lợi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị được tiếp cận các thông tin, các báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

8. Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng Quản trị nếu nhận thấy quyết định này trái pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với Hội đồng Quản trị bằng văn bản. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc/và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc phát sinh các sự việc xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay cho Hội đồng Quản trị để trực tiếp theo dõi và có biện pháp xử lý.
9. Phối hợp khác: Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, các hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Công ty. Việc tham gia các khóa học, khảo sát, hội thảo của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

Điều 44. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

1. Cuộc họp giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc:
 - a) Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đồng thời là cuộc họp hàng quý của Hội đồng Quản trị. Nội dung họp định kỳ có thể kết hợp với các nội dung họp bất thường để xem xét trong cùng một cuộc họp.
 - b) Nội dung cuộc họp định kỳ hàng quý bao gồm: báo cáo đánh giá tình hình, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả đạt được, những vấn đề tồn tại cần khắc phục và các vấn đề phát sinh cần giải quyết khác (nếu có) của Công ty;
 - c) Hội đồng Quản trị cũng có thể tổ chức họp bất thường giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc vào những thời điểm khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;
 - d) Thời gian, địa điểm, thông báo mời họp, nội dung, chương trình họp, các tài liệu có liên quan và các vấn đề khác được thực hiện theo các quy định/quyết định của Hội đồng Quản trị và Điều lệ Công ty;

Điều 45. Các trường hợp Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị

1. Các trường hợp Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị:
 - a) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng Quản trị và người điều hành, quản lý doanh nghiệp khác, Tổng Giám đốc phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng 48 giờ yêu cầu triệu tập họp Hội đồng Quản trị, đồng thời yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - b) Các vấn đề khác được Tổng Giám đốc xác định là cần thiết đối với hoạt động của Công ty.
 - c) Những vấn đề Tổng Giám đốc cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị:

- (i). Kiến nghị Hội đồng Quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - (ii). Các vấn đề mà quyền quyết định vượt ra khỏi phạm vi quyền hạn của Tổng Giám đốc;
 - (iii). Các vấn đề khác được Tổng Giám đốc xác định là cần thiết đối với hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.
2. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này.
 3. Các nội dung cần xin ý kiến và tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị.

Điều 46. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện và kết quả hoạt động đối với nhiệm vụ và quyền hạn được giao bởi Hội đồng Quản trị. Việc báo cáo phải được duy trì định kỳ hàng quý và hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành quyết định của Tổng Giám đốc nếu thấy trái với pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 47. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc

Định kỳ 06 tháng/lần hoặc đột xuất, Hội đồng Quản trị có thể kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các nội dung ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện hoặc tổ chức thực hiện.

Điều 48. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng Quản trị

1. Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền phải báo cáo và cung cấp thông tin cho Hội đồng Quản trị ngay khi Công ty xảy ra một trong các sự kiện sau.
 - a) Tài khoản của Công ty bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
 - b) Có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - c) Có quyết định khởi tố đối với người quản lý, người điều hành, người nội bộ Công ty; Có bản án, quyết định của tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc vi phạm pháp luật về thuế.
 - d) Các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Các báo cáo, tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức điện thoại, fax, bút phê và các phương tiện khác theo quy định của Công ty và pháp luật để gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để kịp thời giải quyết công việc.

CHƯƠNG IX

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 49. Đánh giá hoạt động

1. Phương thức đánh giá
 - a) Công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý cấp cao khác có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:
 - Tự nhận xét, đánh giá;
 - Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
 - Cách thức khác do Hội đồng Quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.
 - b) Đối với cán bộ quản lý khác, Tổng Giám đốc quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo Hội đồng Quản trị kết quả thực hiện đánh giá.
2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:
 - a) Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc cá nhân, kết quả phát triển của đơn vị
 - b) Phẩm chất, đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Công ty, nội quy lao động, chủ trương, chính sách của Công ty và quy định pháp luật.
 - c) Năng lực cá nhân gồm kiến thức, trình độ chuyên môn, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp, trình bày.
 - d) Năng lực quản lý, lãnh đạo gồm khả năng quản lý và vận hành hệ thống quy trình, khả năng đào tạo nhân viên, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thái độ chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.
 - e) Tinh thần học tập nâng cao trình độ, trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đảm nhiệm.
 - f) Đoàn kết, phối hợp trong và ngoài đơn vị, phối hợp nâng cao mối quan hệ hợp tác trong và ngoài Công ty.
 - g) Mức độ tín nhiệm của nhân viên cấp dưới và người lao động trong Công ty.
3. Thực hiện đánh giá hoạt động:
 - a) Hội đồng Quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- b) Hội đồng Quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- c) Việc đánh giá hoạt động đối với các cán bộ quản lý khác được thực hiện hàng năm theo nội dung mô tả công việc, thỏa thuận trong hợp đồng lao động do Tổng Giám đốc quyết định.

Điều 50. Khen thưởng – Kỷ luật

1. Hội đồng Quản trị phê duyệt Quy chế khen thưởng – kỷ luật.
2. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 49 của Quy chế này.

Công ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể hoặc cá nhân thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác được đánh giá có thành tích trong công tác quản lý hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Việc kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
2. Công ty phải xây dựng và ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
3. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

CHƯƠNG XI SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 52. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này phải được Hội đồng Quản trị xem xét và quyết định và phải được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

CHƯƠNG XII

HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 53. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế này gồm 53 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2023.
2. Các vấn đề có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công ty chưa được quy định trong Quy chế này và Điều lệ Công ty sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong trường hợp có bất kỳ nội dung nào của Quy chế này và/hoặc các văn bản hướng dẫn do Hội đồng Quản trị ban hành trái với quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc quy định của pháp luật thì quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc quy định của pháp luật mặc nhiên được áp dụng để điều chỉnh các nội dung đó.

Quy chế này được lập thành 01 bản gốc và lưu trữ tại Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Hải Châu

-----*-----
Số: 12/2023/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán Everest ("**Công ty**");
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Chứng khoán Everest kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc sửa đổi một số nội dung của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty và dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty sau khi sửa đổi:

1. Điều chỉnh tăng số lượng thành viên HĐQT và sửa đổi về cơ cấu, tổ chức, hoạt động của HĐQT để phù hợp với tình hình tại doanh nghiệp;
2. Sửa đổi về quyền của cổ đông tương ứng với các quy định tại mục 1;
3. Sửa đổi quy định về phiếu biểu quyết theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung số 03/2022/QH15;
4. Bổ sung các quy định về Thường trực Hội đồng Quản trị;
5. Các nội dung khác có liên quan.

Chi tiết các nội dung bổ sung, sửa đổi tại Phụ lục 1 và dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty sau khi sửa đổi đính kèm.

Hội đồng Quản trị kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- VP. HĐQT

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Hải Châu

PHỤ LỤC 01
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI

(Kèm theo Tờ trình số 13 /2023/TTr-HĐQT ngày 10 /2023 của Hội đồng Quản trị)

STT	Điều khoản	Quy chế đã ban hành	Dự thảo Quy chế sửa đổi tháng 11/2023
1.	Phần đầu Quy chế	Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Chứng khoán Everest thông qua theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/03/2021.	Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Chứng khoán Everest thông qua theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/03/2021 và đã được sửa đổi ngày 02/11/2023.
2.	Khoản 1, khoản 2 Điều 6	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là từ 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên.</p> <p>2. Cơ cấu Hội đồng Quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty. Cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty phải đảm bảo quy định sau:</p> <p>a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</p> <p>b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên;</p> <p>c) Công ty phải đảm bảo tối thiểu (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành.</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là từ 05 (năm) đến 11 (mười một) thành viên.</p> <p>2. Cơ cấu Hội đồng Quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty. Cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty phải đảm bảo quy định sau:</p> <p>a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị là 05 thành viên;</p> <p>b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</p> <p>c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</p> <p>d) Công ty phải đảm bảo tối thiểu (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành.</p>
3.	Khoản 4 Điều 8	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền	4. Các thành viên Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm hỗ trợ, giúp Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 28.3 Điều lệ Công ty. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch

		<p>và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.</p>	<p>Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định (“Sự kiện”) thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị đều không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do bất kỳ lý do gì, Hội đồng Quản trị có thể chỉ định một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh Sự kiện, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị để triệu tập cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới.</p>
4.	Khoản 6, Điều 8	<p>6. Khi xét thấy cần thiết Hội đồng Quản trị Hội đồng Quản trị có thể bầu từ 01 (một) đến 02 (hai) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị trong số các thành viên Hội đồng Quản trị tùy vào nhu cầu tại từng thời điểm.</p> <p>a) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định/quyết định/phân công/ủy quyền của Hội đồng Quản trị.</p> <p>b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và/hoặc khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>c) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng Quản trị.</p>	<p>6. Khi xét thấy cần thiết Hội đồng Quản trị có thể bầu 01 (một) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong số các thành viên Hội đồng Quản trị tùy vào nhu cầu tại từng thời điểm.</p> <p>a) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định/quyết định/phân công/ủy quyền của Hội đồng Quản trị.</p> <p>b) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và/hoặc khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>c) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng Quản trị.</p>

<p>5. Điểm b, Khoản 1 Điều 10</p>	<p>b) Các cổ đông phổ thông có thể họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 06 thành viên trở xuống hoặc tối đa hai (02) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 07 thành viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 20% đến 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 06 thành viên trở xuống hoặc tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 07 thành viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 40% đến 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 06 thành viên trở xuống hoặc tối đa năm (05) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 07 thành viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. <p>Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử. Việc Hội đồng Quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử. Việc Hội đồng Quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp</p>	<p>b) Các cổ đông phổ thông có thể họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 20% đến 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa bốn (04) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 40% đến 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa sáu (06) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. <p>Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử. Việc Hội đồng Quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp</p>
-----------------------------------	--	---

		Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.	luật.
6.	Điểm h khoản 2 Điều 12	h) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	h) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán gần nhất của Công ty;
7.	Điểm j khoản 2 Điều 12	j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó, quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở (các) công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu xét thấy cần thiết); bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó, quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở (các) công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
8.	Điểm u khoản 2 Điều 12	u) Quyết định thành lập các tiểu ban, hội đồng nghiệp vụ chuyên môn, các bộ phận giúp việc trực thuộc Hội đồng Quản trị và ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức quyết định thù lao, thu nhập của các nhân sự làm việc tại các đơn vị này.	u) Quyết định thành lập Thường trực Hội đồng Quản trị, các tiểu ban, hội đồng nghiệp vụ chuyên môn, các bộ phận giúp việc trực thuộc Hội đồng Quản trị và ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức quyết định thù lao, thu nhập của các nhân sự làm việc tại các đơn vị này.
9.	Điểm v khoản 2 Điều 12	v) Quyết định các hợp đồng, giao dịch, thực hiện các công việc không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.	v) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị trên 20% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
10.	Điều 15a		Điều 15a: Thường trực Hội đồng Quản trị 15a.1 Thường trực Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quyết định thành lập. Số lượng thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị đảm bảo tối thiểu 60% số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, trong đó phải bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch

		<p>Hội đồng Quản trị (nếu có). Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.</p> <p>15a.2. Thường trực Hội đồng Quản trị làm việc theo chế độ tập thể, họp để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc khi Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của một trong số những đối tượng sau đây:</p> <p>a. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị đề nghị;</p> <p>b. Tổng Giám đốc;</p> <p>c. Ít nhất 02 (hai) thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị.</p> <p>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng Quản trị;</p> <p>15a.3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị tổ chức chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp Thường trực Hội đồng Quản trị.</p> <p>15a.4. Thư ký Thường trực Hội đồng Quản trị là Thư ký Công ty hoặc nhân sự khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị/người được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền.</p>
11.	Điều 15b	<p>Điều 15b: Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng Quản trị</p> <p>15b.1. Thường trực Hội đồng Quản trị được Hội đồng Quản trị ủy quyền, thay mặt Hội đồng Quản trị để giải quyết một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị:</p> <p>a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng sau: Chánh/Phó chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị;</p> <p>b) Quyết định mức lương và lợi ích khác đối với (các) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Chi nhánh, các nhân sự thuộc Văn phòng Hội đồng Quản trị;</p> <p>c) Quyết định việc thuê, lương/thù lao và các lợi ích khác (nếu có) đối với các chuyên gia, cố vấn cho Hội</p>

			<p>đồng Quản trị</p> <p>d) Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;</p> <p>15b.2. Theo dõi, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát bộ máy điều hành của Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công, khả năng tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, tuân thủ các quy định nội bộ của Công ty, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.</p> <p>15b.3. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được Hội đồng Quản trị giao/ủy quyền phát sinh trong quá trình hoạt động.</p> <p>15b.4. Thường trực Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo lại cho Hội đồng Quản trị tại cuộc họp gần nhất về các quyết định, phê duyệt liên quan đến các vấn đề trên.</p> <p>15b.5. Thường trực Hội đồng Quản trị sử dụng con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</p>
12.	Điều 15c		<p>Điều 15c: Các cuộc họp của Thường trực Hội đồng Quản trị</p> <p>15c.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Thường trực Hội đồng Quản trị gửi thông báo/email mời họp các thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp (ngoại trừ những trường hợp cấp bách cần họp ngay theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Thường trực Hội đồng Quản trị) bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử (email) hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty. Thông báo mời họp phải nêu rõ chương trình, thời gian và địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo Thông báo/email là các tài liệu họp;</p> <p>15c.2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người có thẩm quyền triệu tập họp Thường trực Hội đồng Quản trị</p>

		<p>phải triệu tập họp Thường trực Hội đồng Quản trị trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 15a.2 nêu trên. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp trong vòng 02 ngày, người hoặc nhóm người quy định tại Điều 15a.2 cử đại diện đứng ra triệu tập họp và làm Chủ tọa của cuộc họp Thường trực Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty do không triệu tập cuộc họp Thường trực Hội đồng Quản trị;</p> <p>15c.3. Ban Tổng Giám đốc, bộ máy giúp việc của Công ty trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có nhiệm vụ chuẩn bị các chương trình, tài liệu, giấy tờ để cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan cho các thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị để báo cáo trước cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị. Thư ký Hội đồng quản trị sẽ ghi chép biên bản, nội dung cuộc họp, các buổi làm việc của Thường trực Hội đồng Quản trị.</p> <p>15c.4. Cuộc họp Thường trực Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có 100% tổng số thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị tham dự hoặc ủy quyền;</p> <p>15c.5. Thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Thường trực Hội đồng Quản trị, trừ các trường hợp bất khả kháng và/hoặc khi bị ốm, đi công tác đột xuất, v.v... Trong trường hợp không thể trực tiếp dự họp, thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ủy quyền cho thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị khác hoặc tham dự cuộc họp theo các hình thức họp lệ khác nếu được đa số thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị tại cuộc họp chấp thuận. Trường hợp thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị vắng mặt từ ba (03) lần dự họp trong một năm thì Thường trực Hội đồng Quản trị phải đệ trình Hội đồng quản trị xem xét tư cách của thành viên Thường trực Hội đồng</p>
--	--	--

			<p>Quản trị đó.</p> <p>15c.6. Trong cuộc họp Thường trực Hội đồng Quản trị, các thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền giải trình cụ thể thêm những vấn đề liên quan đến nội dung cuộc họp.</p> <p>15c.7. Đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền Thường trực Hội đồng Quản trị mà do yêu cầu cấp bách hoặc xét thấy không cần thiết phải tổ chức cuộc họp Thường trực Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị gửi nội dung cần lấy ý kiến đến các thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị bằng văn bản.</p> <p>15c.8. Các thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến như: videoconference, teleconference... hoặc các hình thức tương tự khác; Gửi ý kiến/phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. <p>15c.9. Trình tự họp</p> <ol style="list-style-type: none"> Thư ký kiểm tra sự có mặt của các thành phần tham dự họp để đảm bảo đúng tỷ lệ và tư cách tham dự. Chủ tọa cuộc họp nêu lý do cuộc họp và các nội dung đưa ra thảo luận. Các thành viên dự họp có ý kiến về các nội dung họp theo sự chủ trì của Chủ tọa. <p>Chủ tọa tiến hành biểu quyết đồng ý hay không đồng ý với các nội dung họp và kết luận.</p>
13.	Điều 15d		<p>Điều 15d: Biên bản họp Thường trực Hội đồng Quản trị</p> <p>Các quy định về biên bản họp Thường trực Hội đồng Quản trị được thực hiện</p>

		như các quy định về biên bản họp của Hội đồng Quản trị tại Điều 17 Quy chế này.
14.	Điều 15 đ	<p>Điều 15d. Lấy ý kiến thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị bằng văn bản.</p> <p>Các quy định về lấy ý kiến thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị bằng văn bản được thực hiện như các quy định về lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị tại Điều 18 Quy chế này.</p>
15.	Điều 15 e	<p>Điều 15e: Thông qua các quyết định của Thường trực Hội đồng Quản trị</p> <p>15e.1 Quyết định của Thường trực Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được 4/5 (bốn phần năm) các thành viên dự họp biểu quyết tán thành. Thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị ý kiến cá nhân về những vấn đề chưa nhất trí.</p> <p>15e.2. Hiệu lực quyết định của Thường trực Hội đồng Quản trị:</p> <p>Quyết định của Thường trực Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm hiệu lực được ghi rõ trong quyết định đó. Trong trường hợp thời điểm hiệu lực không được thể hiện rõ trong quyết định của Thường trực Hội đồng Quản trị, thời điểm có hiệu lực của quyết định đó là thời điểm quyết định được thông qua.</p> <p>15e.3. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Thường trực Hội đồng Quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Thường trực Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên biểu quyết tán thành thông qua quyết định phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên biểu quyết không tán thành thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.</p>

			15e .4 Các quyết định do Thường trực Hội đồng Quản trị ban hành được đóng dấu Công ty.
16.	Khoản 7 Điều 16	7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị/người triệu tập họp Hội đồng Quản trị xét thấy cần phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của trên 1/2 số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị/người triệu tập họp Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp ngay sau khi gửi thông báo mời họp và tài liệu họp có thể được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp.	7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị/người triệu tập họp Hội đồng Quản trị xét thấy cần phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của trên 1/2 số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị/người triệu tập họp Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp ngay sau khi gửi thông báo mời họp và tài liệu họp có thể được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp.
17.	Khoản 2 Điều 17	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng Quản trị cử một thành viên Hội đồng Quản trị ký ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng Quản trị cử một thành viên Hội đồng Quản trị ký ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
18.	Khoản 1 Điều 26	Quy chế này gồm 26 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 03 năm 2021.	Quy chế này gồm 26 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2023.



**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Mã số:

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

MỤC LỤC

Chương I.....	3
QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Các định nghĩa.....	3
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 3. Vai trò và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Quản trị	4
Chương II.....	4
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị	5
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị	5
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.....	5
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị.....	6
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	7
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.....	9
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị	10
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.....	11
Chương III	11
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	11
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 14	
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 14	
Điều 15. Các tiểu ban và bộ phận giúp việc Hội đồng Quản trị.....	15
Điều 15a: Thường trực Hội đồng Quản trị	16
Điều 15b: Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng Quản trị	17
Điều 15c: Các cuộc họp của Thường trực Hội đồng Quản trị.....	17
Điều 15d: Biên bản họp Thường trực Hội đồng Quản trị.....	18
Điều 15đ. Lắng ý kiến thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị bằng văn bản.....	19
Điều 15e: Thông qua các quyết định của Thường trực Hội đồng Quản trị	19
Chương IV	19
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị.....	19
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	21
Điều 18. Lắng ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.....	22
Điều 19. Thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.....	22
Chương V	23
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	23
Điều 20. Trình báo cáo hằng năm	23
Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị	23
Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan	24
Chương VI.....	24
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 23. Nguyên tắc phối hợp trong công tác.....	24
Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị.....	25
Điều 25. Mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.....	25
Chương VII.....	26
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	26
Điều 26. Hiệu lực thi hành	26

Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Chứng khoán Everest thông qua theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/03/2021 và đã được sửa đổi ngày 02/11/2023.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các định nghĩa

1. Trong Quy chế này, trừ khi được quy định khác đi, các từ và thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. **“Quy chế”** có nghĩa là Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Everest;
 - b. **“Công ty”** có nghĩa là Công ty cổ phần Chứng khoán Everest;
 - c. **“Cổ đông”** là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - d. **“Hội đồng Quản trị”** có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty;
 - e. **“Đại hội đồng cổ đông”** có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty;
 - f. **“Điều lệ Công ty”** có nghĩa là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua một cách hợp lệ;
 - g. **“Người quản lý Công ty”** là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty;
 - h. **“Người điều hành Công ty”** là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;
 - i. **“Ban Tổng Giám đốc”** gồm Tổng Giám đốc và (các) Phó Tổng Giám đốc Công ty;
 - j. **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đạo luật này, tùy từng thời điểm;
 - k. **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - l. **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - m. **“Người có liên quan”** là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán trong các trường hợp sau:
 - Công ty và người nội bộ của Công ty;
 - Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;
 - Tổ chức, cá nhân mà trong mỗi quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- m. **“Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị”** là (các) thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
- n. **“Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành”**: là thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế hoạt động này.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị, các mối quan hệ công tác giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị trong phạm vi hoạt động nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty phù hợp với Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 3. Vai trò và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
3. Hội đồng Quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng Quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng Quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
 - f) Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao và thưởng đối với công việc mình đảm nhiệm. Thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và/hoặc bất thường.
4. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị phụ trách một/một số lĩnh vực theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo trước Hội đồng Quản trị về kết quả công việc đã được phân công tại cuộc họp của Hội đồng Quản trị và/hoặc khi được yêu cầu.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là từ 05 (năm) đến 11 (mười một) thành viên.

2. Cơ cấu Hội đồng Quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty. Cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty phải đảm bảo quy định sau:
 - a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị là 05 thành viên;
 - b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
 - d) Công ty phải đảm bảo tối thiểu (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành.
3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.
5. Cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - c) Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty khác với điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại tối đa 05 công ty khác và không thuộc trường hợp bị cấm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.
 - d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty và pháp luật.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;

- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty và pháp luật.
3. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và/hoặc bất thường và các cuộc họp Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng Giám đốc hoặc Cán bộ quản lý khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo cho cuộc họp đó;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e) Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình;
 - f) Chỉ đạo, theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - g) Quyết định thành lập bộ phận Văn phòng Hội đồng Quản trị trực thuộc Hội đồng Quản trị để giúp việc Hội đồng Quản trị; quyết định chức năng nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng Quản trị, quyết định việc bổ nhiệm miễn nhiệm, điều động, phân công công việc, chính sách thù lao, thu nhập đối với các nhân sự làm việc tại Văn phòng Hội đồng Quản trị.
 - h) Đảm bảo việc trao đổi thông tin kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng Quản trị với Chủ tịch Hội đồng Quản trị;

- i) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, đóng góp hiệu quả và thiết lập những mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên Hội đồng Quản trị;
- j) Tuân thủ nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý, bao gồm trách nhiệm cẩn trọng, trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi, trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường theo quy định tại Điều 164, Điều 165 Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật và theo ủy quyền/phân công của Hội đồng Quản trị.

4. Các thành viên Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm hỗ trợ, giúp Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 28.3 Điều lệ Công ty. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định (“Sự kiện”) thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị đều không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do bất kỳ lý do gì, Hội đồng Quản trị có thể chỉ định một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh Sự kiện, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị để triệu tập cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới.

- 5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
- 6. Khi xét thấy cần thiết Hội đồng Quản trị có thể bầu 01 (một) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong số các thành viên Hội đồng Quản trị tùy vào nhu cầu tại từng thời điểm.
 - a) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định/quyết định/phân công/ủy quyền của Hội đồng Quản trị.
 - b) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

và/hoặc khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.

- c) Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng Quản trị..

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Quy chế này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Khi thành viên Hội đồng Quản trị có một hoặc một số hành vi sau:
 - Không thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm vì lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty, cổ đông.
 - Không trung thành với Công ty thông qua việc thực hiện một/nhiều hành vi (bao gồm nhưng không giới hạn) như: sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Công ty, cổ đông.
 - Có hành vi gây khó khăn, cản trở hoặc bất kỳ hành vi khác có tính chất tương tự làm ảnh hưởng đến sự hoạt động thông suốt và/tiến độ của công tác quản trị, điều hành của Công ty (bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi như cô tình không tham gia cuộc họp Hội đồng Quản trị dù được triệu tập hợp lệ/từ chối ký Biên bản họp mà không có lý do chính đáng/không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ công việc do Hội đồng Quản trị phân công, giao nhiệm vụ/gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ...) và/hoặc có hành vi/phát sinh các sự kiện gây mất, làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh thương hiệu của Công ty.
 - Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty;
 - Có hành vi cạnh tranh bất hợp pháp với Công ty hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Công ty.
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Các trường hợp quy định tại mục c Khoản 1 Điều này và các trường hợp khác quy định của pháp luật.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trường hợp khác quy định của pháp luật.

Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông trước khi đề cử;
 - b) Các cổ đông phổ thông có thể họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Cụ thể:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 20% đến 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa bốn (04) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 40% đến 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có từ 08 (tám) thành viên trở xuống hoặc tối đa sáu (06) ứng viên nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội

đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử. Việc Hội đồng Quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty mà không phụ thuộc vào tỷ lệ biểu quyết. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của Công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
2. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa

vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị và bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đảm bảo lợi ích Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch kinh doanh hàng năm cho năm tiếp theo;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán gần nhất của Công ty;
 - i) Quyết định việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi và/hoặc trái phiếu không kèm theo chứng quyền của Công ty.
 - j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu xét thấy cần thiết); bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó, quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở (các) công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác trong phạm vi thẩm quyền;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - r) Quyết định việc sử dụng các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển quỹ khen thưởng của Công ty;
 - s) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - t) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư đối với các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty;
 - u) Quyết định thành lập Thường trực Hội đồng Quản trị, các tiểu ban, hội đồng nghiệp vụ chuyên môn, các bộ phận giúp việc trực thuộc Hội đồng Quản trị và ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức quyết định thù lao, thu nhập của các nhân sự làm việc tại các đơn vị này.
 - v) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị trên 20% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
 - w) Giao/ủy quyền cho các tiểu ban, ủy ban, hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, cá nhân, bộ phận, đơn vị trực thuộc Công ty để thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quyết định/quy định của Hội đồng Quản trị trong từng thời kỳ.
 - x) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty;
3. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:
- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
 - Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc;
 - Kết quả giám sát đối với các người quản lý khác;
 - Các kế hoạch trong tương lai.
4. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

5. Để thực hiện công việc của mình, Hội đồng Quản trị có thể, thường xuyên hoặc theo vụ việc, sử dụng các chuyên gia, cố vấn, tư vấn bên ngoài đối với mỗi nhiệm vụ/công việc của mình nếu cần thiết.
6. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết.
Các nội dung đã được Hội đồng Quản trị thông qua được ban hành dưới hình thức nghị quyết/quyết định.
7. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 26, Điều 45 Điều lệ Công ty và các quy định khác tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
2. Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các quy định có liên quan của Công ty và pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này hoặc số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty. Trong trường hợp này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
 - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban và bộ phận giúp việc Hội đồng Quản trị.

1. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị:
 - a) Hội đồng Quản trị căn cứ nhu cầu hoạt động được chủ động và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc;
 - b) Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các tiểu ban khác căn cứ nhu cầu của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.
 - c) Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và phải có tối thiểu là 03 người trong đó có ít nhất một thành viên là thành viên Hội đồng Quản trị.
 - d) Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị, nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban, thuộc Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.
 - e) Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị.
 - f) Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
 - g) Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
 - h) Thành viên Hội đồng Quản trị trực thuộc các tiểu ban được hưởng một mức thù lao/tiền lương nhất định phụ thuộc vào tính chất và khối lượng công việc của mỗi tiểu ban và do Hội đồng Quản trị quyết định.

- i) Các thành viên bên ngoài làm việc trong các tiểu ban của Hội đồng Quản trị được trả thù lao/tiền lương theo hợp đồng lao động/hợp đồng dịch vụ hoặc các hình thức thỏa thuận khác với điều kiện phải được Hội đồng quản trị phê duyệt trước khi Tổng Giám đốc thực hiện ký kết hợp đồng với các nhân sự này.
2. Các đơn vị/nhân sự khác trực thuộc Hội đồng Quản trị:
 - a) Hội đồng Quản trị được quyền thành lập các hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, các cơ quan, đơn vị giúp việc trực thuộc khác ngoài các tiểu ban quy định tại khoản 1 Điều này và được phép ủy quyền cho các hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, các cơ quan, đơn vị giúp việc trực thuộc đó thực hiện một phần các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
 - b) Hội đồng Quản trị được quyền quyết định toàn bộ các vấn đề liên quan đến các hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, các cơ quan, đơn vị giúp việc trực thuộc nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm nhưng không giới hạn ở việc thành lập, quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm, quyết định thu nhập đối với nhân sự làm việc tại các bộ phận này.
 - c) Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền quyết định thành lập bộ phận Văn phòng Hội đồng Quản trị trực thuộc Hội đồng Quản trị để giúp việc Hội đồng Quản trị; quyết định chức năng nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng Quản trị, quyết định việc bổ nhiệm miễn nhiệm, điều động, phân công công việc, chính sách thù lao, thu nhập đối với các nhân sự làm việc tại Văn phòng Hội đồng Quản trị.
 - d) Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Công ty và quyết định các vấn đề có liên quan đến các đối tượng này theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty và các Quy chế/Quy định của Công ty và của pháp luật có liên quan.

Điều 15a: Thường trực Hội đồng Quản trị

- 15a.1 Thường trực Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quyết định thành lập. Số lượng thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị đảm bảo tối thiểu 60% số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, trong đó phải bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (nếu có). Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.
- 15a.2. Thường trực Hội đồng Quản trị làm việc theo chế độ tập thể, họp để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc khi Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của một trong số những đối tượng sau đây:
 - a. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị đề nghị;
 - b. Tổng Giám đốc;
 - c. Ít nhất 02 (hai) thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị.Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng Quản trị;
- 15a.3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị tổ chức chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp Thường trực Hội đồng Quản trị.
- 15a.4. Thư ký Thường trực Hội đồng Quản trị là Thư ký Công ty hoặc nhân sự khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị/người được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền.

Điều 15b: Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng Quản trị

- 15b.1. Thường trực Hội đồng Quản trị được Hội đồng Quản trị ủy quyền, thay mặt Hội đồng Quản trị để giải quyết một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị:
- a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng sau: Chánh/Phó chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị;
 - b) Quyết định mức lương và lợi ích khác đối với (các) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Chi nhánh, các nhân sự thuộc Văn phòng Hội đồng Quản trị;
 - c) Quyết định việc thuê, lương/thù lao và các lợi ích khác (nếu có) đối với các chuyên gia, cố vấn cho Hội đồng Quản trị
 - d) Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
- 15b.2. Theo dõi, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát bộ máy điều hành của Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công, khả năng tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, tuân thủ các quy định nội bộ của Công ty, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- 15b.3. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được Hội đồng Quản trị giao/ủy quyền phát sinh trong quá trình hoạt động.
- 15b.4. Thường trực Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo lại cho Hội đồng Quản trị tại cuộc họp gần nhất về các quyết định, phê duyệt liên quan đến các vấn đề trên.
- 15b.5. Thường trực Hội đồng Quản trị sử dụng con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 15c: Các cuộc họp của Thường trực Hội đồng Quản trị

- 15c.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Thường trực Hội đồng Quản trị gửi thông báo/email mời họp các thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp (ngoại trừ những trường hợp cấp bách cần họp ngay theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Thường trực Hội đồng Quản trị) bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử (email) hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty. Thông báo mời họp phải nêu rõ chương trình, thời gian và địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo Thông báo/email là các tài liệu họp;
- 15c.2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người có thẩm quyền triệu tập họp Thường trực Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Thường trực Hội đồng Quản trị trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 15a.2 nêu trên. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp trong vòng 02 ngày, người hoặc nhóm người quy định tại Điều 15a.2 cử đại diện đứng ra triệu tập họp và làm Chủ tọa của cuộc họp Thường trực Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty do không triệu tập cuộc họp Thường trực Hội đồng Quản trị;

- 15c.3. Ban Tổng Giám đốc, bộ máy giúp việc của Công ty trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có nhiệm vụ chuẩn bị các chương trình, tài liệu, giấy tờ để cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan cho các thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị để báo cáo trước cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị. Thư ký Hội đồng quản trị sẽ ghi chép biên bản, nội dung cuộc họp, các buổi làm việc của Thường trực Hội đồng Quản trị.
- 15c.4. Cuộc họp Thường trực Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có 100% tổng số thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị tham dự hoặc ủy quyền;
- 15c.5. Thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Thường trực Hội đồng Quản trị, trừ các trường hợp bất khả kháng và/hoặc khi bị ốm, đi công tác đột xuất, v.v... Trong trường hợp không thể trực tiếp dự họp, thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ủy quyền cho thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị khác hoặc tham dự cuộc họp theo các hình thức họp lệ khác nếu được đa số thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị tại cuộc họp chấp thuận. Trường hợp thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị vắng mặt từ ba (03) lần dự họp trong một năm thì Thường trực Hội đồng Quản trị phải đệ trình Hội đồng quản trị xem xét tư cách của thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị đó.
- 15c.6. Trong cuộc họp Thường trực Hội đồng Quản trị, các thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền giải trình cụ thể thêm những vấn đề liên quan đến nội dung cuộc họp.
- 15c.7. Đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền Thường trực Hội đồng Quản trị mà do yêu cầu cấp bách hoặc xét thấy không cần thiết phải tổ chức cuộc họp Thường trực Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị gửi nội dung cần lấy ý kiến đến các thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị bằng văn bản.
- 15c.8. Các thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết.
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến như: videoconference, teleconference... hoặc các hình thức tương tự khác;
 - Gửi ý kiến/phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- 15c.9. Trình tự họp
- Thư ký kiểm tra sự có mặt của các thành phần tham dự họp để đảm bảo đúng tỷ lệ và tư cách tham dự.
 - Chủ tọa cuộc họp nêu lý do cuộc họp và các nội dung đưa ra thảo luận.
 - Các thành viên dự họp có ý kiến về các nội dung họp theo sự chủ trì của Chủ tọa. Chủ tọa tiến hành biểu quyết đồng ý hay không đồng ý với các nội dung họp và kết luận.

Điều 15d: Biên bản họp Thường trực Hội đồng Quản trị

Các quy định về biên bản họp Thường trực Hội đồng Quản trị được thực hiện như các quy định về biên bản họp của Hội đồng Quản trị tại Điều 17 Quy chế này.

Điều 15đ. Lấy ý kiến thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị bằng văn bản.

Các quy định về lấy ý kiến thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị bằng văn bản được thực hiện như các quy định về lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị tại Điều 18 Quy chế này.

Điều 15e: Thông qua các quyết định của Thường trực Hội đồng Quản trị

- 15e.1 Quyết định của Thường trực Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được 4/5 (bốn phần năm) các thành viên dự họp biểu quyết tán thành. Thành viên Thường trực Hội đồng Quản trị có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị ý kiến cá nhân về những vấn đề chưa nhất trí.
- 15e.2. Hiệu lực quyết định của Thường trực Hội đồng Quản trị:
Quyết định của Thường trực Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm hiệu lực được ghi rõ trong quyết định đó. Trong trường hợp thời điểm hiệu lực không được thể hiện rõ trong quyết định của Thường trực Hội đồng Quản trị, thời điểm có hiệu lực của quyết định đó là thời điểm quyết định được thông qua.
- 15e.3. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Thường trực Hội đồng Quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Thường trực Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên biểu quyết tán thành thông qua quyết định phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên biểu quyết không tán thành thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
- 15e.4 Các quyết định do Thường trực Hội đồng Quản trị ban hành được đóng dấu Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
3. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Trong trường hợp mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết.
5. Đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
 6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
 7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị/người triệu tập họp Hội đồng Quản trị xét thấy cần phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của trên 1/2 số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ người triệu tập họp Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp ngay sau khi gửi thông báo mời họp và tài liệu họp có thể được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp.
 8. Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.
 9. Cuộc họp Hội đồng Quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
 10. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
- 11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
- 13. Biểu quyết:
 - a) Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng Quản trị uỷ quyền trực tiếp tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về vấn đề liên quan đến các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.
- 14. Hội đồng Quản trị quyết định tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp phù hợp với kỹ thuật công nghệ của Công ty tại thời điểm tổ chức cuộc họp thay vì tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị theo hình thức trực tiếp.

Thể thức, điều kiện và các vấn đề có liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để họp Hội đồng Quản trị theo quy định tại khoản này và/hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và/hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật:

Địa điểm cuộc họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp tổ chức họp theo quy định tại khoản này do Chủ tọa quyết định.
- 15. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, trừ các trường hợp bất khả kháng và/hoặc khi bị ốm, đi công tác đột xuất... Trong trường hợp không thể trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ủy quyền biểu quyết cho thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc tham dự cuộc họp theo các hình thức họp lệ khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- 16. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

- 1. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;

- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng Quản trị cử một thành viên Hội đồng Quản trị ký ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 18. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Nghị quyết, quyết định được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
3. Hội đồng Quản trị quyết định ban hành các quy chế, văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
4. Nghị quyết, quyết định được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến của thành viên Hội đồng Quản trị có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Điều 19. Thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;
2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 1/2) số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Các nội dung đã được Hội đồng Quản trị thông qua được ban hành dưới hình thức nghị quyết/quyết định.
3. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị:
 - a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó. Trong trường hợp thời điểm hiệu lực không được thể hiện rõ trong nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, thời điểm có hiệu lực của nghị quyết, quyết định đó là thời điểm nghị quyết, quyết định được thông qua.
 - b) Trường hợp thành viên HĐQT yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 20. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
2. Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể

hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Nguyên tắc phối hợp trong công tác

1. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị phối hợp trong công tác theo nguyên tắc sau:
2. Luôn trung thành vì lợi ích của Công ty và đặt lợi ích Công ty lên ưu tiên trước nhất;

3. Tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty;
4. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch; và
5. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có) vì lợi ích chung của Công ty.

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng Quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng Quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý.

Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng Quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng Quản trị thì các thành viên Hội đồng Quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 25. Mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các công việc theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và các quy chế nội bộ khác. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, nếu phát hiện vấn đề không phù hợp với pháp luật hiện hành thì Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng Quản trị để điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó;
2. Sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua các đề án, chủ trương theo thẩm quyền, được ký quyết định triển khai thực hiện, Tổng Giám đốc có quyền chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định phân cấp được Hội đồng Quản trị và Điều lệ Công ty đã ban hành.
3. Theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cho Hội đồng Quản trị, kiến nghị những vấn đề cần giải quyết và phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới. Khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn, sẽ kịp thời báo cáo bằng văn bản hoặc các phương tiện thông tin nhanh nhất với Hội đồng Quản trị để có biện pháp xử lý.
4. Hội đồng Quản trị có thể cử đại diện tham gia các buổi giao ban/buổi họp của Công ty.
5. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị về các cuộc khảo sát trong và ngoài nước, đàm phán ký kết hợp đồng có giá trị theo phân cấp

của Công ty để Hội đồng Quản trị dự, cử thành viên Hội đồng Quản trị tham dự hoặc mời luật sư tư vấn.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 26 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2023.
2. Các vấn đề có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty chưa được quy định trong Quy chế này và Điều lệ Công ty sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong trường hợp có bất kỳ nội dung nào của Quy chế này và/hoặc các văn bản hướng dẫn do Hội đồng Quản trị ban hành trái với quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc quy định của pháp luật thì quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc quy định của pháp luật mặc nhiên được áp dụng để điều chỉnh các nội dung đó.
3. Quy chế này được lập thành 01 bản gốc và lưu tại Công ty.
4. Trong quá trình thực hiện, khi thấy cần thiết phải sửa đổi bổ sung Quy chế này cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật thì Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định sửa đổi.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Hải Châu

Số...14.../2023/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 12. tháng 10. năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v thông qua số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị tại Đại Hội đồng Cổ đông bất thường năm 2023

Kính gửi:

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest;
- Căn cứ Quy định về việc đề cử, ứng cử ứng cử viên để bầu thay thế vào Hội đồng Quản trị tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 của CTCP Chứng khoán Everest;

Để kiện toàn nhân sự Hội đồng Quản trị (HĐQT) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest (EVS) đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, HĐQT Công ty kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua số lượng Thành viên HĐQT và thông qua việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT EVS tại Đại Hội đồng Cổ đông bất thường năm 2023, cụ thể như sau:

1. Số lượng Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest: 11 (mười một) thành viên.
2. Số lượng bầu bổ sung Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest tại Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2023: 06 (sáu) thành viên, trong đó bầu bổ sung 02 (hai) thành viên HĐQT độc lập.
3. Danh sách ứng viên trình Đại Hội đồng Cổ đông bầu bổ sung:

STT	Họ và tên	Chức danh hiện tại tại EVS	Chức danh đề cử
1	Ông Trần Đình Cường	Không	Thành viên HĐQT độc lập
2	Ông Hoàng Đôn Hùng	Không	Thành viên HĐQT độc lập
3	Ông Ngô Thanh Tùng	Không	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Xuân Hà	Không	Thành viên HĐQT
5	Ông Phạm Hồng Minh	Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư	Thành viên HĐQT
6	Bà Lê Thảo Anh	Phó Giám đốc Khối Đầu tư Tài chính kiêm Chánh VP.HĐQT	Thành viên HĐQT



4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Thành viên HĐQT Công ty: đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Chứng khoán, Điều lệ EVS và các quy định pháp luật có liên quan khác.

Kính trình Đại Hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



The stamp is circular with a red border. Inside the border, the text reads: "S. G. P. 48 - C. T. C. P." at the top, "CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST" in the center, and "Đ. B. TRUNG - TP. HÀ NỘI" at the bottom. A blue ink signature is written across the stamp.

Nguyễn Hải Châu



A partial red circular stamp is visible on the right side of the page. The visible text includes "C. T. C. P." at the top, "CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST" in the center, and "Đ. B. TRUNG - TP. HÀ NỘI" at the bottom.

Số: 15/2023/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 0 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Điều chỉnh Quỹ thù lao HĐQT, UBKT năm 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán Everest (“Công ty”);
- Căn cứ Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2023;
- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông bất thường 2023 ngày 02/11/2023.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán Everest kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc điều chỉnh Quỹ thù lao Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ủy ban kiểm toán (UBKT) năm 2023 đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2023 như sau:

Tổng quỹ thù lao HĐQT và Ủy ban Kiểm toán năm 2023 đã duyệt tại ĐHĐCĐ thường niên 2023	Tổng quỹ thù lao HĐQT và Ủy ban Kiểm toán năm 2023 điều chỉnh
7.000.000.000 VND/Năm (Bằng chữ: Bảy tỷ đồng chẵn/năm)	8.000.000.000 VND/năm (Bằng chữ: Tám tỷ đồng chẵn/năm)

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân bổ quỹ thù lao HĐQT và Ủy ban Kiểm toán của năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hải Châu

Số: 16 /2023/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc chuyển số dư các quỹ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest trong năm 2022;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest;

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc kết chuyển số dư các quỹ sang lợi nhuận sau thuế, chi tiết như sau:

Đơn vị: VND

STT	Chi tiêu	Giá trị	Giá trị
1	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ (giảm)	27.107.220.603	
2	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (giảm)	27.107.220.603	
3	Lợi nhuận sau thuế (tăng)		54.214.441.206

Kính trình ĐHCĐ xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Châu